

NGHỊ QUYẾT

**HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc ngày 07/05/2021.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo của HĐQT về tình hình thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch SXKD năm 2020 và nhiệm vụ, kế hoạch SXKD năm 2021.

Điều 2. Thông qua Báo cáo BKS năm 2020 và kế hoạch, phương hướng hoạt động năm 2021.

Điều 3. Thông qua các Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty.

Điều 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 (Theo nội dung Tờ trình số 04A/TTr-ĐTB-HĐTQ ngày 28/04/2021).

Điều 5. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty (Theo nội dung Tờ trình số 04A/TTr-ĐTB-HĐTQ ngày 28/04/2021).

Điều 6. Phê duyệt mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát Công ty năm 2021 (Theo nội dung Tờ trình số 04A/TTr-ĐTB-HĐTQ ngày 28/04/2021).

Điều 7. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (Theo Quy chế đính kèm).

Điều 8. Phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty (Theo Quy chế đính kèm).

Điều 9. Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (Theo Quy chế đính kèm).

Điều 10. Thông qua việc phê duyệt các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan của Công ty (Theo nội dung Tờ trình số 04A/TTr-ĐTB-HĐTQ ngày 28/04/2021).



Điều 11. Thông qua về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt việc thực hiện các giao dịch giữa Công ty với các cá nhân, tổ chức có liên quan (Theo nội dung Tờ trình số 04A/TTr-ĐTB-HĐTQ ngày 28/04/2021).

Điều 12. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua và các vấn đề có liên quan hoặc phát sinh từ các Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, kể cả những vấn đề theo quy định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (Theo nội dung Tờ trình số 04A/TTr-ĐTB-HĐTQ ngày 28/04/2021).

Điều 13. Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty (Theo nội dung Tờ trình số 05/TTr-ĐTB-HĐTQ ngày 12/04/2021).

Điều 14. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty (Theo nội dung Tờ trình số 06/TTr-ĐTB-HĐTQ ngày 12/04/2021).

Điều 15. Miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban Kiểm soát Công ty đối với Ông Nguyễn Văn Mạnh kể từ ngày 07/05/2021 (Theo nội dung Tờ trình số 07A/TTr-ĐTB-HĐTQ ngày 28/04/2021).

Điều 16. Bầu bổ sung Bà Vũ Thị Trà làm thành viên Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025 kể từ ngày 07/05/2021.

Sau khi miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên, Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2021 gồm các Ông/Bà có tên sau đây:

1. Bà Bùi Thị Vân
2. Bà Đặng Thị Huyền
3. Bà Vũ Thị Trà

Điều 17. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các phòng/ban, đơn vị trong Công ty, Giám đốc các nhà máy trực thuộc và những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 17;
- UBCKNN, Sở GDCKHN, TTLKCKVN;
- Cổ đông Công ty;
- Lưu: HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Trần Văn Huyền

Hà Nội, ngày 07 tháng 05 năm 2021

BIÊN BẢN

**HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Tên Doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc
Địa chỉ: Bản Chiến, xã Chiềng San, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Giấy chứng nhận ĐKKD: Số 5500271984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 04/09/2019
Thời gian họp: 8h30 phút, ngày 07/05/2021
Địa điểm họp: Hội trường Tầng 11 Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - Số 52 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ

Các cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông (sau đây được gọi chung là "Đại biểu") có quyền biểu quyết được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt Danh sách người sở hữu chứng khoán ngày 05/04/2021.

(Có Phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng).

II. CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG ĐẠI HỘI

I. Chương trình đại hội

Thời gian	Nội dung	Chủ trì
8h30 - 9h00	- Đón tiếp, đăng ký Đại biểu - Kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông tham dự Đại hội - Phát tài liệu họp và phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử	Ban Tổ chức
9h00 - 9h10	Khai mạc Đại hội Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Thư ký Đại hội và thông qua	Đoàn Chủ tịch

	Ban kiểm phiếu	
9h10 - 9h20	Thông báo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	Ban Kiểm tra tư cách cổ đông
9h20 - 9h35	Giới thiệu và biểu quyết thông qua Chương trình họp, Quy chế làm việc và biểu quyết, Quy chế bầu cử của Đại hội	Đoàn Chủ tịch
9h35 - 10h35	Báo cáo của HĐQT, TGD về tình hình thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch SXKD năm 2020 và nhiệm vụ, kế hoạch SXKD năm 2021;	Đoàn Chủ tịch
	Báo cáo của BKS về hoạt động năm 2020 và kế hoạch, phương hướng hoạt động năm 2021;	
	Tờ trình về các vấn đề chung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	
	Tờ trình về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty;	
	Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ Công ty;	
	Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020 - 2025	
10h35 - 10h45	Thảo luận và tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử	Toàn thể Đại hội
10h45 - 11h00	Nghỉ giải lao	Toàn thể Đại hội
11h00 - 11h10	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử	Ban Kiểm phiếu
11h10 - 11h20	Đọc Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội	Ban Thư ký
11h20 - 11h30	Biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội và tuyên bố bế mạc Đại hội	Toàn thể Đại hội

2. Nội dung Đại hội:

- Báo cáo của HĐQT, TGD về tình hình thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch SXKD năm 2020 và nhiệm vụ, kế hoạch SXKD năm 2021;
- Báo cáo của BKS về hoạt động năm 2020 và kế hoạch, phương hướng hoạt động năm 2021;
- Tờ trình về các vấn đề chung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
- Tờ trình về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2025.

3. Báo cáo việc đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của các cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông như sau:

- Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thay mặt Ban tổ chức ĐHĐCĐ công bố tỷ lệ đại biểu tham dự đại hội với kết quả như sau:
- Tính đến 08 giờ 58 phút, đã có 12 đại biểu tham dự đại hội trực tiếp, 12 đại biểu ủy quyền đại diện cho 33.637.414 cổ phần trên tổng số 40.500.000 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 83,0553%.
- Căn cứ Khoản 1, Điều 145 của Luật doanh nghiệp 2020 và Điều lệ của Công ty, cuộc họp ĐHĐCĐ đã hợp pháp, hợp lệ và được phép tiến hành.

4. Thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu:

- Đoàn chủ tịch:

- | | | |
|------------------------|-----------------|-------------------|
| - Ông Trần Văn Huyền | - Chủ tịch HĐQT | - Chủ tọa Đại hội |
| - Ông: Dương Văn Quyền | - TV HĐQT, TGD | - Thành viên |

- Ban Thư ký Đại hội:

- | | | |
|---------------------------|------------------|--------------|
| - Bà: Đặng Thị Kiều Trang | - Thư ký Công ty | - Trưởng ban |
| - Bà Vũ Thị Thu | - Nhân viên | - Thành viên |

- Ban kiểm phiếu:

- | | |
|---------------------------|--------------|
| - Bà: Nguyễn Thị Thu Hằng | - Trưởng ban |
| - Bà: Trần Thùy Linh | - Thành viên |

- Kết quả biểu quyết: 100 % đại biểu có mặt tại Đại hội biểu quyết đồng ý thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Đoàn Thư ký và Ban kiểm phiếu như đã dự kiến của Ban tổ chức.

Dưới sự điều hành của Đoàn chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (“ĐHĐCĐ”) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc tiến hành chương trình.

III. THÔNG QUA CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI, QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT, QUY CHẾ BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2020 – 2025, DANH SÁCH ỨNG VIÊN BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2020 - 2025

1. Thông qua chương trình Đại hội:

Việc biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội thực hiện theo hình thức giơ thẻ biểu quyết.

Kết quả: 100% cổ đông có mặt tại Đại hội đã đồng ý thông qua Chương trình Đại hội

2. Thông qua Quy chế làm việc và biểu quyết của Đại hội:

Việc biểu quyết thông qua Quy chế làm việc và biểu quyết của Đại hội được thực hiện theo hình thức giơ thẻ biểu quyết.

Kết quả: 100% cổ đông có mặt tại Đại hội đã đồng ý thông qua Quy chế tổ chức Đại hội.

3. **Thông qua Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 - 2025:**
Việc biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 -2025 được thực hiện theo hình thức giơ thẻ biểu quyết.

Kết quả: 100% cổ đông có mặt tại Đại hội đã đồng ý thông qua Quy chế tổ chức Đại hội.

4. **Thông qua Danh sách ứng viên bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2025:**

Danh sách ứng viên bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát để Đại hội biểu quyết thông qua gồm các ứng viên có tên sau đây:

STT	Họ và tên
1	VŨ THỊ TRÀ

Đại hội đã tiến hành thông quan Danh sách ứng viên bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát theo hình thức giơ thẻ biểu quyết.

Kết quả: 100% cổ đông có mặt tại Đại hội đã đồng ý thông qua Danh sách ứng viên bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2025.

IV. NỘI DUNG CÁC BÁO CÁO, TỜ TRÌNH CỦA ĐẠI HỘI

Tại Đại hội, Đoàn Chủ tịch đã trình các Báo cáo, Tờ trình sau:

1. Báo cáo của HĐQT, TGD về tình hình thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2020 và nhiệm vụ, kế hoạch SXKD năm 2021.

(Chi tiết Báo cáo đính kèm)

2. Báo cáo BKS năm 2020 và kế hoạch, phương hướng hoạt động năm 2021

(Chi tiết Báo cáo đính kèm)

3. Tờ trình về các vấn đề chung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ

(Chi tiết Tờ trình số: 04A/TTr-ĐTB-HĐQT ngày 28/04/2021 đính kèm)

4. Tờ trình về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

(Chi tiết Tờ trình số: 05/TTr-ĐTB-HĐQT ngày 12/04/2021 đính kèm)

5. Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty;

(Chi tiết Tờ trình số: 06/TTr-ĐTB-HĐQT ngày 12/04/2021 đính kèm)

6. Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 - 2025;

(Chi tiết Tờ trình số: 07A/TTr-ĐTB-HĐQT ngày 28/04/2021 đính kèm)

V. CÁC Ý KIẾN THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI

Tại Đại hội, các Đại biểu đề nghị Ban chủ tọa Đại hội làm rõ một số nội dung liên quan đến kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và các giải pháp thực hiện để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch SXKD năm 2021. Các ý kiến và kiến nghị của Đại biểu đã được Đoàn

chủ tịch giải đáp đầy đủ và các Đại biểu đều đồng ý với các nội dung giải trình của Đoàn chủ tịch.

* Đại biểu được giải đáp các ý kiến và không có thêm ý kiến bổ sung

VI. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG CỦA ĐẠI HỘI

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Trưởng ban kiểm phiếu đã hướng dẫn các cổ đông tiến hành biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025.

➤ Kết quả biểu quyết của Đại hội được ghi chi tiết tại Biên bản kiểm phiếu do Ban kiểm phiếu của Đại hội lập và đọc trước toàn thể Đại hội.

1. Kết quả biểu quyết về các vấn đề đã thảo luận tại Đại hội

Phương thức biểu quyết: Bỏ phiếu kín

- Số phiếu phát ra: 16 phiếu, tương ứng 33.678.914 cổ phần, chiếm 100,0000% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu thu về: 13 phiếu, tương ứng 33.650.914 cổ phần, chiếm 99,9169% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu hợp lệ: 11 phiếu, tương ứng 33.625.914 cổ phần biểu quyết, chiếm: 99,8426% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 2 phiếu, 25.000 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0742% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết quả biểu quyết đối với từng vấn đề cụ thể như sau:

1.1. Nội dung 01: Thông qua Báo cáo của HĐQT về tình hình thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch SXKD năm 2020 và nhiệm vụ, kế hoạch SXKD năm 2021

(Theo nội dung Báo cáo số: 02A/BC-ĐTĐB-HĐQT ngày 28/04/2021)

- Tổng số phiếu tán thành: 11 đại diện cho: 33.625.914 cổ phần biểu quyết, chiếm: 99,8426% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0000% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0000% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: Như vậy, Nội dung 01 đã được thông qua với tỷ lệ 99,8426 % tổng số cổ phần biểu quyết dự họp

1.2. Nội dung 02: Thông qua Báo cáo BKS năm 2020 và kế hoạch, phương hướng hoạt động năm 2021

(Theo nội dung Báo cáo số: 03A/BC-ĐTB-BKS ngày 28/04/2021)

- Tổng số phiếu tán thành: 11 đại diện cho: 33.625.914 cổ phần biểu quyết, chiếm: 99,8426% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0000% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0000% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: *Như vậy, Nội dung 02 đã được thông qua với tỷ lệ 99,8426% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp*

1.3. Nội dung 03: Thông qua các Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty

- Tổng số phiếu tán thành: 11 đại diện cho: 33.625.914 cổ phần biểu quyết, chiếm: 99,8426% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0000% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0000% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: *Như vậy, Nội dung 03 đã được thông qua với tỷ lệ 99,8426% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp*

1.4. Nội dung 04: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021.

(Theo nội dung Tờ trình số: 04A/TTr-ĐTB-HĐQT ngày 28/04/2021 đính kèm)

- Tổng số phiếu tán thành: 11 đại diện cho: 33.625.914 cổ phần biểu quyết, chiếm: 99,8426% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0000% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0000% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: *Như vậy, Nội dung 04 đã được thông qua với tỷ lệ 99,8426% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp*

1.5. Nội dung 05: Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty

(Theo nội dung Tờ trình số: 04A/TTr-ĐTB-HĐQT ngày 28/04/2021 đính kèm)

- Tổng số phiếu tán thành: 11 đại diện cho: 33.625.914 cổ phần biểu quyết, chiếm: 99,8426% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0000% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0000% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: *Như vậy, Nội dung 05 đã được thông qua với tỷ lệ 99,8426% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp*

1.6. Nội dung 06: Phê duyệt mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát Công ty năm 2021

(Theo nội dung Tờ trình số: 04A/TTr-ĐTB-HĐQT ngày 28/04/2021 đính kèm)

- Tổng số phiếu tán thành: 11 đại diện cho: 33.625.914 cổ phần biểu quyết, chiếm: 99,8426% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0000% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0000% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: *Như vậy, Nội dung 06 đã được thông qua với tỷ lệ 99,8426% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp*

1.7. Nội dung 07: Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

(Theo nội dung Quy chế đính kèm)

- Tổng số phiếu tán thành: 10 đại diện cho: 33.609.914 cổ phần biểu quyết, chiếm: 99,7951% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0000% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 1 đại diện cho: 16.000 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0475% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: *Như vậy, Nội dung 07 đã được thông qua với tỷ lệ 99,7951% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp*

1.8. Nội dung 08: Phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty

(Theo nội dung Quy chế đính kèm)

- Tổng số phiếu tán thành: 10 đại diện cho: 33.609.914 cổ phần biểu quyết, chiếm: 99,7951% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0000% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 1 đại diện cho: 16.000 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0475% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: *Như vậy, Nội dung 08 đã được thông qua với tỷ lệ 99,7951% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp*

1.9. Nội dung 9: Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

(Theo nội dung Quy chế đính kèm)

- Tổng số phiếu tán thành: 10 đại diện cho: 33.609.914 cổ phần biểu quyết, chiếm: 99,7951% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0000% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 1 đại diện cho: 16.000 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0475% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: *Như vậy, Nội dung 09 đã được thông qua với tỷ lệ 99,7951% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp*

1.10. Nội dung 10: Thông qua việc phê duyệt các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan của Công ty

(Theo nội dung Tờ trình số: 04A/TTr-ĐTB-HĐQT ngày 28/04/2021 đính kèm)

- Tổng số phiếu tán thành: 10 đại diện cho: 4.456.535 cổ phần biểu quyết, chiếm: 98,4753% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0000% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 1 đại diện cho: 16.000 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0475% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: *Như vậy, Nội dung 10 đã được thông qua với tỷ lệ 98,4753% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp*

1.11. Nội dung 11: Thông qua về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt việc thực hiện các giao dịch giữa Công ty với các cá nhân, tổ chức có liên quan

(Theo nội dung Tờ trình số: 04A/TTr-ĐTB-HĐQT ngày 28/04/2021 đính kèm)

- Tổng số phiếu tán thành: 10 đại diện cho: 4.456.535 cổ phần biểu quyết, chiếm: 98,4753% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0000% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 1 đại diện cho: 16.000 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0475% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: *Như vậy, Nội dung 11 đã được thông qua với tỷ lệ 98,4753% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp*

1.12. Nội dung 12: Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua và các vấn đề có liên quan hoặc phát sinh từ các Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, kể cả những vấn đề theo quy định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

(Theo nội dung Tờ trình số: 04A/TTr-ĐTB-HĐQT ngày 28/04/2021 đính kèm)

- Tổng số phiếu tán thành: 11 đại diện cho: 33.625.914 cổ phần biểu quyết, chiếm: 99,8426% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0000% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0000% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: *Như vậy, Nội dung 12 đã được thông qua với tỷ lệ 99,8426% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp*

1.13. Nội dung 13: Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty

(Chi tiết Tờ trình số: 05/TTr-ĐTB-HĐQT ngày 12/04/2021 đính kèm)

- Tổng số phiếu tán thành: 10 đại diện cho: 33.615.939 cổ phần biểu quyết, chiếm: 99,8130% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0000% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không có ý kiến: 1 đại diện cho: 9.975 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0296% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: *Như vậy, Nội dung 13 đã được thông qua với tỷ lệ 99,8130% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp*

1.14. Nội dung 14: Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty

(Chi tiết Tờ trình số: 06/TTr-ĐTB-HĐQT ngày 12/04/2021 đính kèm)

- Tổng số phiếu tán thành: 9 đại diện cho: 33.599.939 cổ phần biểu quyết, chiếm: 99,7655% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0000% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 2 đại diện cho: 25.975 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0771% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: *Như vậy, Nội dung 14 đã được thông qua với tỷ lệ 99,7655% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp*

1.15. Nội dung 15: Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban Kiểm soát Công ty đối với Ông Nguyễn Văn Mạnh

(Chi tiết Tờ trình số: 07A/TTr-ĐTB-HĐQT ngày 28/4/2021 đính kèm)

- Tổng số phiếu tán thành: 10 đại diện cho: 33.615.939 cổ phần biểu quyết, chiếm: 99,8130% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0000% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 1 đại diện cho: 9.975 cổ phần biểu quyết, chiếm: 0,0296% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: *Như vậy, Nội dung 15 đã được thông qua với tỷ lệ 99,8130% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp*

1.16. Kết quả kiểm phiếu bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025

- Số phiếu phát ra: 16 phiếu, tương ứng 33.678.914 cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội, chiếm 100% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu thu về: 13 phiếu, tương ứng 33.650.914 cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội, chiếm 99,9169% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Số phiếu hợp lệ: 12 phiếu, tương ứng 33.550.914 cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội, chiếm 99,6199% % Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 1 phiếu, tương ứng 100.000 cổ phần, chiếm 0,2969% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không thu về: 3, tương ứng 28.000 cổ phần chiếm 0,0831% Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số phiếu bầu của mỗi ứng viên cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Số cổ phần	Tỷ lệ trên số cổ phần tham dự Đại hội (%)
1	VŨ THỊ TRÀ	33.550.914	99,6199%

Kết luận: Như vậy, trên cơ sở kết quả bầu cử nêu trên, căn cứ vào Quy chế tổ chức Đại hội, Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2025, Bà VŨ THỊ TRÀ Được bầu giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025.

Sau khi miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên, Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025 gồm các Ông/Bà có tên sau đây:

- Bà Bùi Thị Vân
- Bà Đặng Thị Huyền
- Bà Vũ Thị Trà

VII. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Trình Đại hội Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Bà Đặng Thị Kiều Trang – Thư ký đại hội trình bày trước Đại hội nội dung Dự thảo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc.

1. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua nội dung của Biên bản họp Đại hội

Việc biểu quyết thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thực hiện theo hình thức giơ thẻ biểu quyết.

Kết quả: 100% cổ đông có mặt tại Đại hội đã đồng ý thông qua Biên bản.

2. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Việc biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thực hiện theo hình thức giơ thẻ biểu quyết.

Kết quả: 100% cổ đông có mặt tại Đại hội đã đồng ý thông qua Nghị quyết.

VIII. KẾT THÚC

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc bế mạc vào lúc 11 giờ 55 phút cùng ngày.

Biên bản cuộc họp này được lập thành 02 (hai) bản bằng Tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau.

TM. BAN THƯ KÝ



Đặng Thị Kiều Trang



Trần Văn Huyền



BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Về tình hình thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020
và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Điện Tây Bắc;
- Nghị quyết số: 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc.

A. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

1. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty

- Đầu tư xây lắp công trình thủy điện vừa và nhỏ,
- Sản xuất kinh doanh điện - thương - phẩm;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình điện...
- Và một số ngành nghề kinh doanh khác theo Đăng ký dinh doanh.

2. Vốn điều lệ của Công ty

Vốn điều lệ của Công ty là: 405.000.000.000 đồng

3. Bộ máy quản lý, điều hành của Công ty hiện nay

3.1. Hội đồng quản trị

- | | |
|-----------------------|--|
| - Ông Trần Văn Huyền | - Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Đỗ Quang Lợi | - Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 06/06/2020) |
| - Ông Nguyễn Đức Dân | - Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 23/11/2020) |
| - Ông Dương Văn Quyền | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Bùi Quang Chung | - Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 06/06/2020) |
| - Ông Trần Đức Hậu | - Thành viên HĐQT |

3.2. Ban kiểm soát



- Bà Bùi Thị Vân - Trưởng ban (Từ 01/01/2020-22/11/2020 là thành viên, bổ nhiệm Trưởng ban ngày 23/11/2020)
- Ông Trần Đức Hậu - Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 23/11/2020)
- Ông Nguyễn Văn Mạnh - Thành viên
- Bà Đặng Thị Huyền - Thành viên

3.3. Ban Tổng giám đốc ("TGD")

- Ông Dương Văn Quyền - TGD Công ty
- Ông Đào Kim Cương - Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22/06/2020)
- Ông Nguyễn Văn Minh - Giám đốc Sản xuất (Miễn nhiệm ngày 01/06/2020)
- Ông Nguyễn Phương Châu - Giám đốc Thiết bị

Tổng số CBCNV Công ty đến ngày 05/04/2021 là: 40 người.

B. BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2020

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020:

1.1. Sản xuất điện năng:

Đơn vị tính: Triệu Kwh

STT	Nội dung	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ (TH/KH)
1	Nhà máy Nậm Chiến 2	18,12	28,90	62,7%
2	Nhà máy Nậm Chiến 3	0,69	1,11	62,5%
3	Nhà máy Nậm Công 4	22,97	35,65	64,4%
4	Nhà máy Nậm Công 5	6,29	13,09	48,0%
5	Nhà máy Nậm Sỏi	20,25	26,40	76,7%
	Tổng cộng	68,32	105,15	65,0%

1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ (TH/KH)
1	Doanh thu: Trong đó: - Doanh thu SX và KD điện - Doanh thu Tài chính - Doanh thu khác	229,935	246,610 103,106 141,942 1,562	107,3%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	120,026	130,299	108,6%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	96,021	106,632	111,0%
4	Cổ tức	6%	5%	83,3%

Ghi chú: Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/09/2020 Đại hội đồng cổ đông đã thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản chi tạm ứng cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 5% Vốn điều lệ và thông qua các chỉ tiêu kế hoạch 2020 (điều chỉnh).

2 - Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2020

2.1. Những mặt đã làm được

Năm 2020, do ảnh hưởng của thời tiết cực đoan tại vùng Tây Bắc Bộ mưa rất ít kéo dài từ năm 2019, thủy văn không thuận lợi, nước về hồ rất ít. Cho dù Công ty đã luôn chủ động thực hiện nhiều biện pháp linh hoạt như sửa chữa bảo dưỡng các tổ máy thường xuyên đảm bảo các tổ máy luôn luôn trong tình trạng hoạt động ổn định, an toàn, sẵn sàng vận hành tối đa giờ phát điện giá cao khi có nguồn nước về, đồng thời luôn đảm bảo an toàn cho người và thiết bị trong quá trình vận hành nhà máy, cụ thể:

- Đối với Nhà máy Nậm Công 4, năm 2020 thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ và thường xuyên các tổ máy và thiết bị của nhà máy hàng tuần, tháng và năm.
 - Đối với Nhà máy Nậm Sỏi, năm 2020 thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, định kỳ thiết bị của nhà máy hàng tuần, tháng và năm.
 - Đối với Nhà máy Nậm Công 5, năm 2020 đã thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ các thiết bị máy móc của nhà máy theo kế hoạch tuần, tháng và năm.
- ⇒ Kết quả các công tác đại tu, tiểu tu, sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ các nhà máy năm 2020 đã thực hiện rất tốt, cán bộ công nhân vận hành nhà máy đã nâng cao được kinh nghiệm và tay nghề, thời gian thực hiện các công tác nhanh và hiệu quả, máy móc đảm bảo an toàn vận hành.
- Đánh giá chung công tác đại tu, sửa chữa, bảo dưỡng tại nhà máy: Luôn đáp ứng tiến độ, giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố, đảm bảo thiết bị luôn sẵn sàng, vận hành an toàn ổn định đặc biệt là sau khi đại tu, các tổ máy đã đáp ứng được đúng các thông số kỹ thuật của nhà chế tạo và các điều kiện vận hành thực tế của nhà máy. Đảm bảo chất lượng theo đúng tiêu chuẩn của quy định hiện hành;
 - Ổn định lại tình hình nhân sự, rà soát, đánh giá trình độ, năng lực của cán bộ công nhân viên để sắp xếp, tổ chức bộ máy cho phù hợp với điều kiện thực tế, thường xuyên tổ chức đào tạo để nâng cao tay nghề, và tính chuyên nghiệp trong quá trình quản lý vận hành nhà máy;
 - Điều chỉnh mô hình quản lý vận hành, không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty để đạt hiệu quả cao nhất;
 - Thực hành giao khoán chi phí quản lý vận hành nhà máy, điện tự dùng, điện công sô, phương tiện đi lại;
 - Mua bảo hiểm rủi ro tài sản (bao gồm bảo hiểm cháy nổ bắt buộc) và bảo hiểm công trình kỹ thuật dân dụng đã hoàn của nhà máy thủy điện Nậm Công và Nậm Sỏi; Nậm Công 5;

- Công tác phòng chống bão lụt tại nhà máy: Thực hiện tốt công tác chuẩn bị, luôn chủ động, sẵn sàng trong công tác Phòng chống lụt bão đảm bảo an toàn đập, hồ chứa và các hạng mục công trình;
- Phối hợp với các nhà máy bậc trên, các cơ quan quản lý ngành điện như A1, B17... để phát huy tối đa công suất khi có nước, tận dụng phát điện vào các giờ giá cao trong ngày;
- Quan hệ tốt với chính quyền địa phương, các cơ quan ban ngành phụ trách quản lý và các nhà máy trên cùng bậc thang để tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động trong Công ty.
- Chi trả tiền tạm ứng cổ tức năm 2020 cho các cổ đông với tỷ lệ là 5% theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/09/2020 Đại hội đồng cổ đông đã thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- Hoàn thành cơ bản việc tái cấu trúc doanh nghiệp theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc thông qua ngày 06/06/2020, cải thiện tình hình tài chính rõ rệt và tạo tiền đề chuyển hướng kinh doanh cho các năm tiếp theo, cụ thể là:
 - + Đưa Công ty thoát khỏi tình trạng khó khăn trầm trọng về tài chính đó là tình trạng nợ quá hạn Ngân hàng có nguy cơ bị phát mãi tài sản cầm cố thế chấp, tình trạng nợ Ngân sách quá hạn có nguy cơ bị cưỡng chế hóa đơn tài chính. Nợ quá hạn Nhà thầu xây dựng kéo dài phải thường xuyên phải đối diện với các vụ khiếu nại từ các chủ nợ ;
 - + Khắc phục được tình trạng Lỗi lũy kế kéo dài nhiều năm và bắt đầu trả được cổ tức cho Cổ đông sau 10 năm đưa Nhà máy đầu tiên vào vận hành và phát điện thương mại ;
 - + Tạo dựng khả năng tài chính để đón đầu xu thế, đón sóng đầu tư kinh doanh mới trong giai đoạn hậu covid-19 ;
- Thực hiện xong việc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh của Công ty với Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Sơn La để chuẩn bị cho việc đầu tư mở rộng một số lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

2.2. Những mặt chưa làm được

- Doanh thu về Sản xuất điện không hoàn thành kế hoạch do năm 2020 hạn hán kéo dài, hiện tượng El Nino, lưu lượng nước về các hồ đều ở mức rất thấp, các nhà máy không phát huy được công suất của tổ máy dẫn đến sản lượng sụt giảm;
- Chưa hoàn thành việc đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

C. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

1. Đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị (“HDQT”) năm 2020

Năm 2020, HDQT Công ty đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của luật pháp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”); đảm bảo quyền lợi, lợi ích hợp pháp của Công ty và Cổ đông của Công ty, thực hiện tốt công tác kiểm tra giám sát Ban

TGD và bộ máy điều hành trong công tác sản xuất kinh doanh. Định kỳ triệu tập các cuộc họp để xem xét kết quả thực hiện nhiệm vụ và Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty đồng thời đề ra nhiệm vụ và các công việc cần thực hiện trong thời gian tiếp theo. Tại các kỳ họp các thành viên đã tập trung phân tích đánh giá, kiểm điểm các nguyên nhân khách quan, chủ quan, những việc đã thực hiện, chưa thực hiện được và đưa ra những chỉ đạo quyết liệt nhằm đảm bảo mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh ("SXKD") của đơn vị cũng như nhiệm vụ của ĐHĐCĐ giao cho. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của El Nino, lưu lượng nước về các hồ đều ở mức rất thấp, các nhà máy không phát huy được công suất của tổ máy dẫn đến sản lượng sụt giảm và doanh thu không đạt được theo kế hoạch.

Trong năm 2020, HĐQT Công ty đã ban hành 43 Nghị quyết và 06 Quyết định để tạo điều kiện cho công tác quản lý điều hành công việc của Công ty. Việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT luôn tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT có tính thực thi cao và được TGD tổ chức triển khai thực hiện một cách nghiêm túc.

2. Kết quả giám sát đối với TGD và bộ máy điều hành

- Hội đồng quản trị Công ty luôn sát sao chỉ đạo TGD và bộ máy điều hành thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của Công ty cũng như các Nghị quyết, Quyết định của Công ty đã đề ra;
- Kiểm tra, giám sát việc chi trả lương cho người lao động; thực hiện nộp các loại thuế, phí, nộp Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế đảm bảo về thời gian theo quy định;
- Giám sát sau quá trình thực hiện: Giám sát hoạt động của TGD, các phòng nghiệp vụ Công ty thông qua việc kiểm tra, kiểm soát hàng quý của Ban kiểm soát nội bộ Công ty.

Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị Công ty thực hiện đúng thẩm quyền, không gây cản trở đến việc điều hành của TGD và bộ máy điều hành của Công ty. Qua kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị đã nắm bắt được diễn biến hoạt động, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty trong từng giai đoạn để có biện pháp chỉ đạo kịp thời và xử lý từng trường hợp cụ thể.

3. Công tác tổ chức, cán bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị

3.1. Công tác tổ chức

- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 Công ty;
- Chỉ đạo ban TGD Công ty tiến hành định biên tổ chức các Phòng nghiệp vụ đáp ứng các công việc và phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty;
- Tiếp tục duy trì ổn định tổ chức, cân đối lực lượng lao động nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.2. Công tác cán bộ

Hội đồng quản trị Công ty đã kiện toàn bộ máy quản lý: Thay đổi thành viên HĐQT theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 ngày 06/06/2020.

Các bộ phận trực thuộc Công ty được sắp xếp một cách hợp lý, đáp ứng yêu cầu công việc. Việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh được thống nhất từ trên xuống dưới, bố trí sử dụng lao động,

khen thưởng kỷ luật đối với người lao động phù hợp với Điều lệ, Quy chế quản trị và Nội quy của Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

D. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

1. Kế hoạch SXKD năm 2021:

1.1. Kế hoạch Sản xuất điện năng

Đơn vị tính: Triệu Kwh

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	Nhà máy Nậm Công 4	32,678	
2	Nhà máy Nậm Công 5	10,284	
3	Nhà máy Nậm Sỏi	25,072	
	Tổng cộng	68,034	

1.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Tăng trưởng
1	Sản lượng phát điện	Triệu KW	68,32	68,03	99,5%
2	Doanh thu:	Tỷ đồng	246,61	175,668	71,2%
	Trong đó:				
	- Doanh thu SX và KD điện	Tỷ đồng	103,106	96,781	93,8%
	- Doanh thu khác	Tỷ đồng	141,942	78,887	55,6%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	130,299	101,996	78,3%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	106.632	81,597	76,5%
5	Chia cổ tức	%	5	15	300%
6	Tạm ứng cổ tức bằng tiền (TH T6/2021)	%		10	

2. Kế hoạch Đầu tư năm 2021

- Máng phát triển điện: Không nghiên cứu đầu tư mới các dự án về điện mà chỉ tập trung quản lý, khai thác 03 nhà máy hiện tại đạt hiệu quả cao nhất;
- Mở rộng phát triển đầu tư vào lĩnh vực Bất động sản nhất là Bất động sản khu công nghiệp để đón làn sóng di chuyển vốn đầu tư nước ngoài (FDI) sau dịch Covid -19. Các Dự án hiện tại Công ty đã tham gia đầu tư và dự kiến tham gia đầu tư gồm:
 - + Cụm Công nghiệp Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa: 72,23 ha
 - + Dự án Đầu tư xây dựng tổ hợp lắp ráp thiết bị điện, gia công cơ khí và VLXD tại KCN Khánh Phú, tỉnh Ninh Bình: 2,9 ha
 - + Dự án Khu du lịch sinh thái, biểu diễn nghệ thuật và nhà ở Mộc Châu: 48 ha

3. Một số giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2021

3.1. Công tác chỉ đạo sản xuất

- Lập và giao kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng cho các nhà máy điện, hàng tháng thực hiện việc kiểm điểm đánh giá việc thực hiện của các nhà máy;
- Lập và giao kế hoạch bảo dưỡng định kỳ cho các nhà máy, giám sát chặt chẽ việc thực hiện;
- Trong năm 2021, chú trọng hơn nữa công tác sửa chữa bảo dưỡng thiết bị tại các nhà máy giảm thiểu tối đa sự cố xảy ra;
- Tiếp tục theo dõi sát chu kỳ vận hành của từng nhà máy qua đó đưa ra quy trình tối ưu phối hợp vận hành giữa nhà máy Nậm Công 4 và nhà máy Nậm Công 5.

3.2. Giải pháp về tài chính

- Cân đối tài chính của Công ty để trả nợ Ngân hàng, nhà thầu nhằm đảm bảo áp lực về nợ vay, lãi vay nâng cao hiệu quả kinh doanh đảm bảo kế hoạch lợi nhuận, duy trì mức cổ tức hàng năm từ 10% trở lên;
- Tinh gọn bộ máy quản lý Công ty đảm bảo tiết kiệm chi phí tối đa;
- Cân đối nguồn vốn sau tái cơ cấu ưu tiên trả nợ vay và đầu tư vào lĩnh vực Bất động sản Khu công nghiệp.

3.3. Một số giải pháp khác

- Phối hợp với các nhà máy bậc trên, các cơ quan quản lý ngành điện để phát huy tối đa công suất khi có nước, phát huy phát điện vào các giờ giá cao trong ngày;
- Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao tay nghề và không ngừng nâng cao tính chuyên nghiệp trong quản lý và vận hành các nhà máy thủy điện;
- Thực hành tiết kiệm chi phí quản lý, điện tự dùng, điện công sở, phương tiện đi lại.

Trên đây là Báo cáo của HĐQT và Ban TGD Công ty về tình hình thực hiện nhiệm vụ, Kế hoạch SXKD năm 2020 và Nhiệm vụ, Kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty. HĐQT và Ban TGD Công ty kính mong Quý vị cổ đông xem xét, đóng góp ý kiến để HĐQT, Ban TGD Công ty tiếp tục lãnh đạo, quản lý điều hành Công ty hoạt động ngày càng đạt hiệu quả cao hơn.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các Cổ đông;
- Các TV. HĐQT, BKS;
- Lưu: HĐQT, HCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Văn Huyền



Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2020 và kế hoạch, phương hướng hoạt động năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Điện Tây Bắc.

Thực thi trách nhiệm, chức năng và quyền hạn của Ban kiểm soát ("BKS") theo quy định tại Điều lệ Công ty, tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Quy chế quản trị Công ty đại chúng.

Tôi thay mặt BKS xin báo cáo ĐHĐCĐ như sau:

I. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BKS TRONG NĂM 2020

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020;
- Kiểm tra, giám sát việc ban hành các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban TGD Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, hợp lệ, tính trung thực của Báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm;
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, đề xuất ý kiến nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát các thủ tục, trình tự trong công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

II. KẾT QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT CỦA BKS

1. Về công tác Tài chính, Kế toán hợp nhất của Công ty

Qua xem xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam – Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT, BKS xác nhận một số vấn đề sau:

- Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan;
- Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được lập đầy đủ, kịp thời, các thông tin về tình hình tài chính hợp nhất được công bố và thuyết minh một cách rõ ràng đáp ứng được yêu cầu của cơ quan hữu quan và nhà đầu tư.

Một số chỉ tiêu cơ bản của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán của công ty như sau:

1.1. Về tài sản

Tổng tài sản : 981.068.111.722 Đồng

Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn : 232.674.278.639 Đồng
- Tài sản dài hạn : 748.393.833.083 Đồng

1.2. Về nguồn vốn

Tổng nguồn vốn : 981.068.111.722 Đồng

Trong đó:

- Nợ phải trả : 553.517.432.089 Đồng
- Vốn chủ sở hữu : 427.550.679.633 Đồng



2. Về kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty

BKS thống nhất các số liệu về kết quả SXKD năm 2020 của HĐQT trình trước đại hội cụ thể như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Ghi chú
1	Sản lượng điện	10 ⁶ KWh	105,15	68,32	Đạt 65,0% so với KH
2	Doanh thu	Tỷ đồng	229,935	246,610	Đạt 107,3% so với KH
	Trong đó:				
	- Doanh thu SX và KD điện			103,106	
	- Doanh thu Tài chính			141,942	
- Doanh thu khác			1,562		
3	Lợi nhuận	Tỷ đồng	120,026	130,299	Đạt 108,6% so với KH
4	Cổ tức		6%	5%	Đạt 83,3% so với KH

3. Công tác quản trị điều hành

3.1. Hội đồng quản trị

- HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình, tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định khác của Pháp luật.
- HĐQT luôn bám sát các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ thường niên 2020 đề ra, kịp thời ra các quyết định để Ban TGD triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu mà ĐHĐCĐ 2020 đề ra.
- Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành có sự nhất trí cao của các Thành viên HĐQT. Việc ban hành đúng thẩm quyền, nội dung các Nghị quyết này tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của Pháp luật.

3.2. Ban Tổng giám đốc

BKS nhận thấy trong năm 2020 Ban TGD đã thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của Pháp luật.

4. Công tác phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý

Năm 2020, BKS, HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý đã duy trì sự phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích chung của Công ty, của Cổ đông và tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ.

Trong năm, BKS đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty. Ban lãnh đạo cũng đã thực hiện nghiêm túc việc cung cấp thông tin và tạo điều kiện cho BKS được tiếp cận với các tài liệu để kiểm tra tính sát thực của thông tin.

III. KIẾN NGHỊ

- Đề nghị HĐQT, Ban TGD Công ty rà soát lại hệ thống các văn bản, quy định, quy chế nội bộ, sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới các quy định, quy chế đảm bảo đầy đủ, phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong quá trình thực hiện SXKD, đề nghị Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy định, quy trình, quy chế mà Công ty đã ban hành;
- Tiếp tục đàm phán với các Ngân hàng để cơ cấu lại các khoản vay và giảm lãi suất của các khoản vay;

02719
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN
U TƯ VÀ
KINH DOANH ĐIỆN
TỬ
GIA LAI

- Trong năm 2021, chú trọng hơn nữa công tác sửa chữa bảo dưỡng thiết bị tại các nhà máy giảm thiểu tối đa sự cố xảy ra; nâng cao hiệu quả công suất máy và vận hành 03 nhà máy đảm bảo tuyệt đối an toàn với hiệu quả cao nhất;
- Tiếp tục theo dõi sát chu kỳ vận hành của từng nhà máy qua đó đưa ra quy trình tối ưu phối hợp vận hành giữa nhà máy Nậm Công 4 và nhà máy Nậm Công 5;
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý của Công ty đảm bảo tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả. Đào tạo nâng cao tay nghề cho cán bộ, công nhân vận hành các nhà máy.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2021

- Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính hàng quý và báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021, các nghị quyết, quyết định của HĐQT và BĐH Công ty;
- Rà soát, kiểm tra đánh giá hiệu quả, hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro của Công ty. Xem xét các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành đảm bảo tính hợp lý, phù hợp theo các quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật;
- Thực hiện kiểm tra đột xuất theo yêu cầu của ĐHĐCĐ hoặc nhóm Cổ đông theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Trên đây là báo cáo của BKS về tình hình hoạt động của BKS Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc năm 2020 và kế hoạch, phương hướng hoạt động năm 2021.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp, kính chúc quý vị Cổ đông luôn dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các Cổ đông;
- Các TV. HĐQT, BKS;
- Lưu: HĐQT, HCNS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Bùi Thị Vân



TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Điện Tây Bắc;
- Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hội đồng Quản trị (“HDQT”) Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) biểu quyết thông qua các nội dung sau đây:

1. Thông qua các Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam và được công bố thông tin theo quy định, đồng thời đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

2. Thông qua Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2020 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

Với kết quả SXKD năm 2020 và kế hoạch năm 2021, HDQT đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

2.1 Phương án Phân phối Lợi nhuận năm 2020:

ĐVT: VNĐ

TT	CHỈ TIÊU	DIỄN GIẢI	NĂM 2020	GHI CHÚ
1	Vốn điều lệ		405.000.000.000	
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	MS 60 - BCTC	91.856.991.425	
3	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	MS 421 – BCTC	-66.256.175.066	
4	Tổng nguồn LN phân phối	{4=2+3}	25.600.816.359	
5	Phân phối Lợi nhuận		23.005.709.743	
	- Quỹ Khen thưởng	= 2% LNST	1.837.139.829	

	<ul style="list-style-type: none"> - Quỹ Phúc lợi - Chia cổ tức 	= 1% LNST 5% VDL	918.569.914 20.250.000.000	
6	LN còn lại chuyển kỳ sau		2.595.106.616	
7	Chi trả cổ tức <ul style="list-style-type: none"> - Cổ tức được chia - Đã tạm ứng - Số còn phải chi 		20.250.000.000 20.250.000.000 0	Theo NQ 02

2.2 Kế hoạch Phân phối Lợi nhuận năm 2021:

ĐVT: VND

TT	CHỈ TIÊU	DIỄN GIẢI	NĂM 2021	GHI CHÚ
1	Vốn điều lệ		405.000.000.000	
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN		81.597.048.684	
3	Lợi nhuận năm trước chuyển sang		2.595.106.616	
4	Tổng nguồn LN phân phối	{4=2+3}	84.192.155.300	
5	Phân phối Lợi nhuận <ul style="list-style-type: none"> - Quỹ Khen thưởng - Quỹ Phúc lợi - Chia cổ tức 	= 2% LNST = 1% LNST 15% VDL	63.197.911.461 1.631.940.974 815.970.487 60.750.000.000	
6	LN còn lại chuyển kỳ sau		20.994.243.840	
7	Kế hoạch chi trả cổ tức <ul style="list-style-type: none"> - Cổ tức được chia - Tạm ứng trong năm 2021 - Chi trả trong năm 2022 		60.750.000.000 40.500.000.000 20.250.000.000	

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để chi trả tạm ứng cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Thời gian dự kiến: trước 30/6/2021 (phù hợp với kết quả kinh doanh và khả năng tài chính của Công ty).

3. Lựa chọn đơn vị kiểm toán các Báo cáo tài chính Công ty năm 2021

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Bộ Tài chính chấp thuận kiểm toán cho các công ty đại chúng và tổ chức niêm yết để kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

4. Thủ lao và chi phí hoạt động năm 2020 và phương án chi trả thủ lao của thành viên HĐQT và BKS năm 2021

4.1. Thù lao và chi phí hoạt động năm 2020 của thành viên HĐQT và BKS

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2020 của ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc phê duyệt: ĐHĐCĐ quyết định miễn chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020. Vì vậy trong năm 2020 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc không chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS Công ty.

4.2. Phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021

HĐQT đề xuất mức thù lao đối với thành viên HĐQT và BKS trong năm tài chính 2021 như sau:

- Thù lao cho Chủ tịch và các thành viên HĐQT, thù ký HĐQT là 5.000.000 VNĐ/người/tháng.
- Thù lao cho Trưởng BKS và thành viên BKS là 5.000.000 VNĐ/người/tháng.

5. **Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty:**

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc phù hợp theo các quy định mới của pháp luật có hiệu lực từ 01/01/2021. (Có Quy chế nội bộ đính kèm)

6. **Phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty:**

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc phù hợp theo các quy định mới của pháp luật có hiệu lực từ 01/01/2021. (Có Quy chế hoạt động đính kèm)

7. **Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát:**

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc phù hợp theo các quy định mới của pháp luật có hiệu lực từ 01/01/2021. (Có Quy chế hoạt động đính kèm)

8. **Phê duyệt các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan của Công ty**

Nhằm tăng cường sự phối hợp giữa Công ty và các công ty con, công ty liên kết và các bên liên quan khác để mang lại lợi ích kinh tế tối đa cho Công ty và các cổ đông của Công ty, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan của Công ty phát sinh trong năm 2021, cụ thể như sau:

8.1. Phê duyệt các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan của Công ty theo quy định của pháp luật ("**Các Giao Dịch Liên Quan**"), bao gồm nhưng không giới hạn ở các giao dịch được liệt kê dưới đây giữa Công ty với (i) công ty con/công ty liên kết của Công ty; và (ii) các bên liên quan khác của Công ty:

- a. Các giao dịch mua bán hàng hóa;
- b. Các giao dịch chia sẻ chia phí; theo đó các chi phí được chia sẻ bao gồm nhưng không giới hạn chi phí quản lý, chi phí các dịch vụ khác, và chi phí vận hành phát sinh thực tế, phù hợp với giá thị trường và được phân bổ trên cơ sở thỏa thuận giữa các công ty nêu trên theo nguyên tắc minh bạch, bình đẳng, hợp lý, phù hợp với thông lệ thị trường và các quy định của pháp luật; và

- c. Các giao dịch vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố và thế chấp tài sản trên cơ sở tối ưu hóa dòng tiền và các hoạt động tài chính của các bên; và
- d. Các giao dịch khác theo quyết định của HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty tùy từng thời điểm.
- 8.2. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc của Công ty và/hoặc người được Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty ủy quyền lại:
- a. Quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của Các Giao Dịch Liên Quan và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Các Giao Dịch Liên Quan, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế Các Giao Dịch Liên Quan (nếu có); và
- b. Ký kết và thực hiện Các Giao Dịch Liên Quan và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Các Giao Dịch Liên Quan, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế Các Giao Dịch Liên Quan (nếu có).
9. **Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT xem xét, thông qua việc thực hiện các giao dịch giữa Công ty với các cá nhân, tổ chức có liên quan**

Để tạo sự chủ động, linh hoạt cho HĐQT trong việc quản lý, hoạch định chính sách và thực thi kế hoạch tài chính của Công ty, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua việc ủy quyền cho HĐQT xem xét, phê duyệt việc thực hiện các giao dịch của Công ty với các cá nhân, tổ chức có liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

10. **Ủy quyền cho HĐQT quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ:**

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc đã được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua (bao gồm cả việc triển khai thực hiện các trình tự thủ tục, làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm đạt được các mục tiêu và kế hoạch đề ra trong năm 2021 phù hợp với quy định của pháp luật). Trong trường hợp phát sinh bất kỳ vấn đề gì liên quan đến Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua, kể cả những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ thì HĐQT được toàn quyền quyết định, xử lý mà không cần phải triệu tập họp ĐHĐCĐ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các vấn đề trên.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các Cổ đông;
- Các TV, HĐQT, BKS;
- Lưu: HĐQT, HCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Văn Huyền

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Hà Nội, tháng 5 năm 2021

CĂN CỨ PHÁP LÝ:	4
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 2: Giải thích thuật ngữ	4
CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	6
Điều 3: Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 4: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 5. Chương trình, nội dung Đại hội	6
Điều 6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 7: Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 8: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 9: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội	6
Điều 10: Cách thức bỏ phiếu bầu cử	8
Điều 11: Cách thức kiểm phiếu	9
Điều 12. Thông báo kết quả kiểm phiếu	9
Điều 13. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 14. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 15: Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 16: Lập Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 17: Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 18: Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	11
CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 19: Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 20: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 21: Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.....	12
Điều 22: Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	12
Điều 23: Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	12
Điều 24: Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị	13
Điều 25. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	13
CHƯƠNG IV: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN	14
Điều 26: Số lượng, tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát.....	14
Điều 27: Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	14
Điều 28. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Ban kiểm soát	14
Điều 29. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát.....	14
Điều 30:Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	15
Điều 31. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.	15
CHƯƠNG V: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	15

Điều 32. Các tiểu ban thuộc HĐQT	15
Điều 33. Tổ chức hoạt động các tiểu ban	15
CHƯƠNG VI: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	15
Điều 34. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp.....	15
a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 và Điều 64 của Luật Doanh nghiệp;.....	16
b. Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty;	16
Điều 35. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp.....	16
Điều 36. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp.....	16
Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.....	17
Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý.....	17
CHƯƠNG VII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	17
Điều 39. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.....	17
Điều 40. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát.....	17
Điều 41. Tổng Giám đốc.....	17
Điều 42. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị	18
Điều 43. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.....	18
Điều 44. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc.....	18
Điều 45. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	19
Điều 46. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc.....	19
CHƯƠNG VIII: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	20
Điều 47. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	20
Điều 48. Khen thưởng	20
Điều 49. Xử lý vi phạm và kỷ luật.....	20
CHƯƠNG IX: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	21
Điều 50. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty	21
Điều 51. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	21
Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	21
CHƯƠNG X: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	21
Điều 53. Điều khoản thi hành	21

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07 tháng 05 năm 2021 của Đại
hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 – Công ty Cổ phần Đầu tư và
Phát triển điện Tây Bắc)

CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành luật chứng khoán;
- Căn cứ Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07 tháng 05 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc;
- *Căn cứ Điều Lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc.*

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế quản trị công ty quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông đồng thời thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý, đảm bảo hoạt động của Công ty được ổn định và phát triển đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quy chế này được áp dụng cho tất cả các Cổ đông và/hoặc các thành viên không phải là cổ đông nhưng có tham gia vào việc quản lý điều hành hoạt động của Công ty.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
"Quản trị công ty" là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;
 - Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông;
 - Đảm bảo quyền của cổ đông;
 - Đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;
 - Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
 - Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty;

- Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;
 - Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.
 - a. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020;
 - b. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - c. "Công ty" là Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc;
 - d. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - e. "Đại biểu" là cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - g. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành;
 - h. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - i. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
 - j. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" (sau đây gọi là "thành viên không điều hành") là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - k. "Kiểm soát viên" là thành viên Ban kiểm soát
 - l. "Người có quan hệ gia đình" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.
 - m. "Người nội bộ" là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của doanh nghiệp được quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3: Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 4: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5. Chương trình, nội dung Đại hội

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
2. Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 18 Điều lệ Công ty.

Điều 6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty. Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện theo ủy quyền.

Điều 7: Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Để đảm bảo cho công tác tổ chức Đại hội được thuận lợi, Cổ đông gửi xác nhận tham dự, giấy ủy quyền (nếu có) tới Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông muộn nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Khi đến tham dự cuộc họp, cổ đông phải mang theo Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác và Thông báo mời họp. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 khoản 3 và khoản 13 Điều 20 của Điều lệ Công ty.

Điều 8: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

Điều 9: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

1. Nguyên tắc chung:

- a. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.
- b. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
- c. Thẻ biểu quyết và/ hoặc các Phiếu biểu quyết và/ hoặc Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông), trên đó có ghi rõ số đăng ký mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- d. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết và bỏ Phiếu biểu quyết vào hòm phiếu hoặc các cách thức khác được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp. Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
- e. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Quy định về tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết

- a. Thẻ biểu quyết hợp lệ là thẻ theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát.
- b. Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên Phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

c. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho Phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

3. Các hình thức biểu quyết

- a. Biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem

như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ.

- b. Biểu quyết bằng bỏ phiếu: Khi biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu, đối với từng nội dung, đại biểu tham dự họp chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “O” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn thành tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu bỏ Phiếu biểu quyết vào hòm phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Điều 10: Cách thức bỏ phiếu bầu cử

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;
- Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên tối đa có thể trúng cử;

Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên với số phiếu được chia đều đều cho từng ứng viên được lựa chọn, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;

Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử:

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

- b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 9 Quy chế này.

Điều 11: Cách thức kiểm phiếu

1. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ cao Thẻ biểu quyết, Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
2. Khi tiến hành biểu quyết/ bầu cử theo hình thức bỏ phiếu, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông bỏ các phiếu biểu quyết/ bầu cử vào hòm phiếu được niêm phong để ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm tra lại số phiếu biểu quyết/ bầu cử thu về so với số phiếu biểu quyết/ bầu cử phát ra và kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu biểu quyết/ bầu cử thu về. Đối với các nội dung biểu quyết, số phiếu "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" và số phiếu không hợp lệ của từng nội dung biểu quyết sẽ được tổng hợp riêng và được ghi rõ trên biên bản kiểm phiếu.
3. Trong trường hợp cần thiết và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty có thể chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 12. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ lập biên bản kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại Đại hội. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu rõ số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến cho từng vấn đề cụ thể.

Điều 13. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Định hướng phát triển công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

- e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 14. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện đề nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty

Điều 15: Cách thức phân đổi quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phân đổi nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 16: Lập Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc lập Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.

Điều 17: Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và phải được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông kèm theo các phụ lục đính kèm khác (nếu có) đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành và biểu quyết của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phân đổi về nội dung Nghị quyết, Biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định tại Điều 15 Quy chế này.
3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 18: Thẻ thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại khoản 1 147 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.
2. Việc chuẩn bị tài liệu, gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông; Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông; Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu; Điều kiện nghị quyết được thông qua và công bố biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.
Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19: Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác. Thành viên Hội đồng quản trị công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác;
2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

Điều 20: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ Công ty.
Công ty đại chúng phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh

quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải thực hiện theo các biểu mẫu mà Công ty cung cấp và tuân thủ khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, trong thời hạn 03 ngày trước thời điểm tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên, danh sách này sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng Quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 21 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật;

Điều 21: Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 20 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương III Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử và các thông tin khác (nếu có).
3. Hội đồng quản trị tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 19 Quy chế này và các tiêu chí khác tại thông báo quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ chuẩn bị danh sách giới thiệu ứng viên theo các tiêu chí sau:
 - Số lượng ứng viên được giới thiệu là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3 Điều này;
 - Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
 - Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.

Điều 22: Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy chế này

Điều 23: Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.
 - d. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định.
 - Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

Trừ các trường hợp trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 24: Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này được tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Điều lệ công ty.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 25. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

CHƯƠNG IV: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 26: Số lượng, tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 37 Điều lệ công ty.
2. Thành viên Ban kiểm soát là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của công ty.
3. Thành viên Ban kiểm soát có điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 37 Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 27: Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 20 Quy chế này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 28. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát về việc bầu cử Kiểm soát viên để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử tương tự theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 20 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử Kiểm soát viên và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương IV Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử và các thông tin khác (nếu có).
3. Ban kiểm soát tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát sẽ chuẩn bị danh sách giới thiệu ứng viên theo các tiêu chí sau:
 - Số lượng ứng viên được giới thiệu là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3 Điều này;
 - Ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải được đa số Kiểm soát viên đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
 - Ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty.

Điều 29. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy chế này

Điều 30: Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 37 Điều lệ Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp số lượng thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Ban kiểm soát không đảm bảo theo quy định.

Điều 31. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

CHƯƠNG V: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32. Các tiểu ban thuộc HĐQT

Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng ít nhất ba (03) người, có thể có thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Tổ chức hoạt động các tiểu ban

Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VI: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 34. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 và Điều 64 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Phó Tổng Giám đốc:
- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và hiểu biết luật pháp.
 - b. Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.
 - c. Về trình độ:
 - Phải có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty từ trình độ đại học trở lên.
 - Thời gian công tác thực tế trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.
 - d. Được tin nhiệm trong cương vị công tác và các tiêu chuẩn khác theo Quy chế cán bộ của Công ty.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kế toán trưởng Công ty
- a. Không thuộc các đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại Điều 51 Luật Kế toán.
 - b. Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của công ty.
 - c. Về trình độ:
 - Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên.
 - Thời gian công tác thực tế là kế toán ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.
 - Đối với Kế toán trưởng, phải có chứng chỉ kế toán trưởng theo quy định của pháp luật kế toán.
 - d. Các tiêu chuẩn khác theo Quy chế cán bộ của Công ty.

Điều 35. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm.
2. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các Chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc. Nhiệm kỳ của Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng là bốn (04) năm và nhiệm kỳ của cán bộ quản lý khác trong Công ty bổ nhiệm là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm.

Điều 36. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

1. Công ty ký hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật lao động.
2. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành doanh nghiệp có đơn xin từ chức và được HĐQT chấp thuận. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Hội đồng quản trị thì Người điều hành doanh nghiệp vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.
2. HĐQT có thể miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp trong trường hợp sau:
 - a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
 - b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
 - c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.
 - d. Vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp trong nội bộ công ty và công bố thông tin về Người điều hành là Tổng Giám đốc, phó Tổng Giám đốc, kế toán trưởng theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 39. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Khi các bên muốn triệu tập cuộc họp và mời các bên liên quan tham dự thì viết thư mời hoặc thông qua Thư ký Công ty để mời các thành phần liên quan tham dự. Tại các cuộc họp Người chủ trì cử người ghi biên bản cuộc họp và ký kết biên bản cuộc họp, tổ chức triển khai các công việc liên quan tại biên bản theo thẩm quyền của mỗi bên. Biên bản được lưu giữ tại Công ty.

Điều 40. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS đồng thời gửi cho Tổng Giám đốc trong vòng 24h kể từ ngày ban hành Nghị quyết.

Điều 41. Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao
2. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ

Công ty và theo phân cấp làm việc giữa Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc.

Điều 42. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Đối với Tổng Giám đốc: Trong quá trình điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị. Ngoài phạm vi quyền hạn thuộc thẩm quyền được phân cấp, Tổng Giám đốc trình HĐQT họp hoặc xin ý kiến bằng văn bản để HĐQT xem xét quyết nghị.
2. Đối với Ban kiểm soát: Trong quá kiểm soát các hoạt động của Công ty theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ Công ty,... Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc các nội dung nhằm bảo vệ lợi ích của cổ đông, của Công ty, đảm bảo Công ty phát triển bền vững, đảm bảo sự đoàn kết nội bộ giữa các cổ đông, cân bằng lợi ích giữa các bộ phận trong Công ty thì Ban kiểm soát yêu cầu họp HĐQT để làm việc và giải quyết vấn đề đúng, đủ nhất.

Điều 43. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Trong các cuộc họp định kỳ, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chuẩn bị các vấn đề sẽ được trao đổi và quyết định tại cuộc họp HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình hoặc theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.
2. Tổng Giám đốc thực hiện các báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính và các báo cáo liên quan khác hàng quý và năm cho HĐQT.
3. Tổng Giám đốc báo cáo HĐQT các vấn đề trong quá trình điều hành của mình cần xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT.
4. Tổng Giám đốc Công ty thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình sản xuất, hoạt động kinh doanh cũng như tình hình tài chính và các mặt hoạt động khác của đơn vị để có ý kiến chỉ đạo kịp thời.
5. Tổng Giám đốc phải báo cáo HĐQT giải trình ngay khi có sự thua lỗ và kém hiệu quả từng thời kỳ sản xuất kinh doanh và kế hoạch khắc phục trình HĐQT

Điều 44. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

1. HĐQT giám sát chặt chẽ hoạt động của Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ và HĐQT; Đảm bảo các nghị quyết, quyết định của HĐQT được thực hiện tốt, thông suốt, phù hợp với phạm vi quyền và nhiệm vụ của HĐQT trong Điều lệ tổ chức và hoạt động.
2. HĐQT giám sát việc tổ chức thực hiện của Tổng Giám đốc đến các phòng ban trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty nhằm đáp ứng tốt, kịp thời nhu cầu công việc và chỉ đạo của cấp thẩm quyền; thông tin từ Ban TGD đến HĐQT và ngược lại đều nhanh chóng, thuận tiện, thời gian xử lý công việc đảm bảo.

3. Hằng năm, HĐQT phải thực hiện báo cáo việc kiểm soát và đánh giá hoạt động của Tổng Giám đốc báo cáo ĐHCĐ thường niên.

Điều 45. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Ngoài các vấn đề Tổng Giám đốc cần báo cáo HĐQT/BKS về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo Quy chế này. Tổng Giám đốc quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ,...) vì lợi ích cao nhất cho Công ty nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay với HĐQT và BKS trong thời gian gần nhất.
2. Các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS.
3. Cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: Tổng Giám đốc gửi các báo cáo trực tiếp đến HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát bằng đường văn bản, qua email hoặc thông qua Thư ký Công ty để chuyển đến HĐQT và Trưởng Ban BKS.

Điều 46. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị bảo đảm Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự cuộc họp định kỳ hay bất thường của Hội đồng quản trị.
2. Các thông báo mời họp, tài liệu liên quan của cuộc họp được gửi đến Ban kiểm soát cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT.
3. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu các thành viên HĐQT tham dự và trả lời các vấn đề mà BKS quan tâm.
4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty, phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc sử dụng các thông tin được quy định là thông tin bí mật của Công ty. Việc yêu cầu cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý và điều hành của Công ty.
5. Ban Kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
6. BKS kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty giúp Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.
7. Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban điều hành hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do thành viên Ban điều hành chủ trì,

người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Chủ tịch HĐQT/thành viên HĐQT hoặc BKS có liên quan cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản và gửi một bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.

8. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban kiểm soát được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
9. Hội đồng quản trị bảo đảm rằng tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VIII: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Điều 47. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Chủ tịch Hội đồng Quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát.
3. Đánh giá hàng năm và phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo 3 mức như sau:
 - a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
 - b. Hoàn thành nhiệm vụ
 - c. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 48. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành; Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định mức khen thưởng cho từng cá nhân có liên quan dựa trên quỹ tiền thưởng Ban quản lý điều hành được ĐHĐCĐ thông qua.
2. Các khen thưởng khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định dựa vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty.
3. Chế độ khen thưởng
 - a. Bằng tiền.
 - b. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).

Điều 49. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng không hoàn

thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

- Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IX: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 50. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Điều lệ Công ty

Điều 51. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty. Nhiệm kỳ của người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

- Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách Công ty trong trường hợp sau đây:
 - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Điều lệ Công ty;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - Không hoàn thành các công việc được giao;
 - Các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.
- Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

CHƯƠNG X: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 53. Điều khoản thi hành

- Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 05 năm 2021. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; Trưởng các đơn vị, phòng chức năng và các cá nhân có liên quan trách nhiệm thi hành Quy chế này.
- Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng các điều chỉnh hoạt động của Công ty.
- Các nội dung tại các quy định, quy chế của Công ty trước đây trái với nội dung

- tại Quy chế này (nếu có) thì sẽ không có hiệu lực và được áp dụng theo quy chế này. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa quy định tại Quy chế này so với quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật thì áp dụng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật.
- Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc thông qua sửa đổi, bổ sung. Kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành, các Quy chế và văn bản có liên quan đã được ban hành trước đây hết hiệu lực thi hành.
 - Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định./.

Hà Nội, ngày 07 tháng 05 năm 2021

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Trần Văn Huyền

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Hà Nội, tháng 5 năm 2021



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	3
Điều 1. Các từ viết tắt.....	3
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	4
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị.....	4
Điều 6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	5
Điều 7. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 9. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	6
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	7
Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	7
Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	7
Điều 12. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	8
Điều 13. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	11
Điều 14. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị.....	11
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....	12
Điều 15. Trình báo cáo hàng năm	12
Điều 16. Chế độ hội họp và đi công tác	12
Điều 17. Điều kiện làm việc, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	13
Điều 18. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị.....	13
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	14
CHƯƠNG IV. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	15
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	15
Điều 21. Mối quan hệ giữa HĐQT và Tổng Giám đốc.....	15
Điều 22. Mối quan hệ với Ban kiểm soát	15
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	16
Điều 23. Điều khoản thi hành	16

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07 tháng 05 năm 2021
của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 – Công ty Cổ phần Đầu tư và
Phát triển điện Tây Bắc)*

PHẦN MỞ ĐẦU

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc;
- Căn cứ Nghị quyết số: 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07 tháng 05 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Các từ viết tắt

- Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc.
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc.
- HĐQT: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc.
- BKS: Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc.
- SXKD: Sản xuất kinh doanh.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác. Thành viên Hội đồng quản trị công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác;

2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

Điều 6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

Điều 7. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
Quy định về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 23 Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - j. Ban kiểm soát;
 - k. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - l. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - m. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - n. Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng

quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 8 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

c. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

11. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

12. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

13. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

14. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành quyết. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

15. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Trường hợp này, biên bản họp Hội đồng quản trị phải ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.

3. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

Sau khi ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 14. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc lấy ý kiến các thành viên HĐQT được thực hiện trong thời gian giữa hai

phiên họp của HĐQT để thông qua quyết định về một hoặc một số vấn đề.

2. Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng Phiếu lấy ý kiến. Thời hạn chậm nhất để trả lời Phiếu lấy ý kiến là 07 ngày, nếu trong Phiếu lấy ý kiến không có quy định khác. Phiếu lấy ý kiến các thành viên HĐQT được quản lý, lưu giữ như Biên bản họp HĐQT.

3. Phiếu lấy ý kiến và phiếu trả lời ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT có thể gửi đồng thời qua các hình thức khác như thư điện tử, fax hoặc phương tiện khác theo địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty; bản gốc sau đó phải được gửi đến các địa chỉ nhận theo đường bưu điện. Thư ký Công ty có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký những địa chỉ

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 15. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính;
- c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d. Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 16. Chế độ hội họp và đi công tác

1. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm tham gia các cuộc họp của các cơ quan, đơn vị theo giấy mời HĐQT hoặc mời đích danh Chủ tịch HĐQT. Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT không thể tham dự được, thì ủy quyền người khác đi họp thay, trừ trường hợp cơ quan mời họp không chấp nhận người thay thế.

2. Thành viên HĐQT đi công tác giải quyết công việc của Công ty phải có chương trình cụ thể, được Chủ tịch HĐQT chấp thuận. Tùy theo tính chất và nội dung công việc, Chủ tịch HĐQT có thể yêu cầu cán bộ, nhân viên Công ty có liên quan

cùng tham gia.

3. Chủ tịch HĐQT thông báo cho Tổng Giám đốc biết thời gian và địa điểm đi công tác để Tổng Giám đốc liên hệ công việc.

Điều 17. Điều kiện làm việc, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Phòng làm việc của Chủ tịch HĐQT được đặt tại trụ sở của Công ty. Điều kiện, phương tiện làm việc, văn phòng phẩm phục vụ hoạt động của các thành viên HĐQT được áp dụng theo quy định chung của Công ty.

2. Chi phí hoạt động để phục vụ cho nhiệm vụ của các thành viên HĐQT được thanh toán vào chi phí của Công ty theo chứng từ, hoá đơn phù hợp với chế độ kế toán, tài chính theo quy định của Pháp luật và của Công ty.

3. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

4. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

5. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 18. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị

1. HĐQT sử dụng Bộ máy điều hành và con dấu của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Người phụ trách quản trị Công ty là cán bộ chuyên trách giúp việc của HĐQT. Người phụ trách quản trị Công ty có các nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 32, Điều lệ Công ty như sau:

- Xây dựng, theo dõi Chương trình hoạt động của HĐQT, Lịch công tác của Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT.
- Cung cấp thông tin cho thành viên HĐQT. Chuẩn bị chương trình, tài liệu và cung cấp các tài liệu cho các thành viên HĐQT để phục vụ các cuộc họp hoặc xin ý kiến các thành viên HĐQT; Ghi chép biên bản, nội dung các cuộc họp, làm việc, đàm phán của HĐQT, Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT.
- Soạn thảo các văn bản, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT; Giúp HĐQT, Chủ tịch HĐQT triển khai, theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT.
- Tổng hợp trình HĐQT và Chủ tịch HĐQT các đề nghị, văn bản, tài liệu do Tổng Giám đốc trình cũng như các văn bản của các cơ quan, đơn vị khác gửi đến HĐQT.
- Lập sổ theo dõi công văn đi, đến của HĐQT; Bảo quản, lưu giữ hồ sơ, tài liệu của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT; Cung cấp và thông báo cho các đối tượng liên quan về các Nghị quyết, văn bản của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT theo quy định của Công ty.
- Tư vấn về thủ tục các cuộc họp của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT.
- Được trực tiếp làm việc với các cán bộ, nhân viên của Công ty và các cơ quan, đơn vị khác để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; Chịu trách nhiệm cá nhân trước HĐQT và Chủ tịch HĐQT về công việc được giao.
- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.
- Khi có nhiều Thư ký, Trợ lý, thì Chủ tịch HĐQT có thể bổ nhiệm một người phụ trách chung.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định tại Điều lệ và các quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG IV. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ giữa HĐQT và Tổng Giám đốc

1. HĐQT lãnh đạo Ban điều hành thực hiện việc quản lý điều hành bộ máy quản lý để thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty bằng các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT (trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT) trên cơ sở Nghị quyết và các định hướng của ĐHCĐ.

2. HĐQT có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc, có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc cung cấp các thông tin trong điều hành.

3. Tổng Giám đốc điều hành thực hiện các hoạt động điều hành trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn được qui định tại Điều lệ Công ty hay ủy quyền khác của HĐQT để thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT, kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHCĐ và HĐQT thông qua.

4. Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề xuất, kiến nghị với HĐQT những vấn đề không thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc. Báo cáo HĐQT, Chủ tịch HĐQT xin ý kiến giải quyết những khó khăn vướng mắc phát sinh trong quá trình quản lý điều hành để thực hiện nhiệm vụ của Công ty.

5. Hàng tháng, Tổng Giám đốc báo cáo HĐQT về kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư và tình hình hoạt động của Công ty.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày ký, thay thế tất cả các Quy chế và các quy định khác có liên quan đã ban hành.
2. Những nội dung khác về chế độ làm việc của HĐQT, nếu chưa được đề cập đến trong Quy chế này hoặc quy định không phù hợp thì thực hiện theo các quy định của Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và pháp luật về doanh nghiệp hiện hành.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, Tổng Giám đốc tổng hợp báo cáo HĐQT xem xét, quyết định./.

Hà Nội, ngày 07 tháng 05 năm 2021

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Huyền

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07 tháng 05 năm 2021
của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 –
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc)*

Hà Nội, tháng 5 năm 2021



MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	3
CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	3
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.....	3
Điều 4: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 5: Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên.....	4
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	5
Điều 7: Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên	5
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	6
CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT	6
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	6
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	8
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	9
CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	9
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát	9
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát	10
CHƯƠNG V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	11
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm.....	11
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác	11
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan	12
CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	12
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	12
Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành.....	12
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	13
CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	13
Điều 22. Sửa đổi, bổ sung.....	13
Điều 23. Hiệu lực thi hành.....	14

PHẦN MỞ ĐẦU

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số: 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07 tháng 05 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc;
Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên Ban kiểm soát, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của công ty
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa (1/2) số thành viên Ban kiểm soát thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5: Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
 - đ. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - e. Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7: Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử, ứng cử không đủ số lượng cần thiết, việc đề cử, ứng cử thêm được thực hiện theo quy định tại Điều 28 và Điều 29 Quy chế nội bộ về quản trị của công ty.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc bầu biểu quyết, cách thức cụ thể được quy định tại Điều 10 Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp và Quy chế này;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Vi phạm nghiêm trọng, vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d. Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - d) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

- 1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
- 2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý

của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại điểm này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định về trách nhiệm tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp cần thiết.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến, giám sát Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát có trách nhiệm điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định đối với các trường hợp tại Khoản 1 Điều này thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát trở lên dự họp.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Kiểm soát viên được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

4. Cuộc họp của Ban kiểm soát có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các Kiểm soát viên khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng Kiểm soát viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Kiểm soát viên tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất Kiểm soát viên, hoặc là địa điểm có mặt Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

1. Các cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài.

2. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Ban kiểm soát và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả giám sát hoạt động Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch;
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác;
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình với công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

2. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng ban kiểm soát, Ban điều hành thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty.

3. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của Công ty, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Ban kiểm soát.
4. Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.
5. Các văn bản báo cáo của Ban điều hành trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát.
3. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị mời thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.
5. Ban kiểm soát kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện các trường hợp vi phạm của người điều hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
6. Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.
7. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, các thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Ban kiểm soát soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy

định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm VII chương, 23 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc thống nhất thông qua ngày 07 tháng 05 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này có giá trị khi có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật.
3. Ban Kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Hà Nội, ngày 07 tháng 05 năm 2021

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Bùi Thị Vân



Số: 05/TT-ĐTĐB-HĐQT

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Điện Tây Bắc;
- Tình hình hoạt động của Công ty.

Hiện nay, Công ty sở hữu 03 nhà máy thủy điện Nậm Công 4, Nậm Công 5 và Nậm Sỏi. Để tập trung quản lý tốt 03 nhà máy thủy điện này, Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**DHĐCĐ**”) Công ty thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty, cụ thể như sau:

- Trụ sở chính hiện tại:** Bản Chiến, xã Chiềng San, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, Việt Nam.
- Trụ sở chính đăng ký thay đổi:** Bản Pá Công, xã Huổi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Việt Nam.
- Tổ chức thực hiện:**

Ủy quyền cho **HĐQT** Công ty quyết định điều chỉnh hoặc sửa đổi, bổ sung các nội dung trên đây và/hoặc các nội dung khác có liên quan khi Công ty thực hiện các thủ tục thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và các quy định pháp luật có liên quan.

Giao Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty tổ chức thực hiện thủ tục thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty và thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; hoàn thiện, ký ban hành Điều lệ Công ty cập nhật các nội dung sửa đổi phù hợp với quy định pháp luật; thực hiện các thủ tục liên quan, phát sinh từ việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đối với các nội dung nêu tại Tờ trình này theo đúng quy định pháp luật và thông báo với các cơ quan hữu quan, các đối tác, khách hàng sau khi hoàn tất việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các Cổ đông;
- Các TV. **HĐQT**, **BKS**;
- Lưu: **HĐQT**, **HCNS**.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Huyền

Số: 06/TTr-ĐTĐB-HĐQT

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Điện Tây Bắc;
- Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành rà soát Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc ("**Công ty**") dựa trên cơ sở các quy định tại Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng để sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cho phù hợp với các quy định pháp luật và thực tế hoạt động của Công ty.

Do đó, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua các vấn đề sau:

1. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo Phụ lục đính kèm tại Tờ trình này;
2. Giao Người đại diện theo pháp luật chủ trì việc hoàn thiện Điều lệ Công ty theo các nội dung được ĐHĐCĐ Công ty phê duyệt, ký ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các Cổ đông;
- Các TV. HĐQT, BKS;
- Lưu: HĐQT, HCNS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Huyền



PHỤ LỤC

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

(Đính kèm) Trình số: 06/TTr-HDQT-ĐTĐB ngày 12/04/2021 của HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc)

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục "Quy định tại Điều lệ hiện hành" là các dòng chữ thể hiện dưới dạng gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục "Nội dung đề nghị sửa đổi" là phần in màu đỏ.
- Luật Doanh nghiệp 2020 là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
NỘI DUNG ĐIỀU LỆ	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ	
<ul style="list-style-type: none">- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số <u>68/2014/QH13</u> ngày 27/11/2014 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;- Luật Chứng khoán số <u>70/2006/QH11</u> ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số <u>62/2010/QH12</u> ngày 24/11/2010 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;	<ul style="list-style-type: none">- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm	Cập nhật dẫn chiếu quy định của luật hiện hành

- <u>Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ tài chính về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.</u>	2019; Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 31 tháng 12 năm 2020;	
PHẦN MỞ ĐẦU	PHẦN MỞ ĐẦU	
Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào <u>ngày 06 tháng 06 năm 2020.</u>	Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 07 tháng 05 năm 2021.	Cập nhật thời gian Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua nghị quyết
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	
1.b. " <u>Luật Doanh nghiệp</u> " là Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014	1.b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;	Thay đổi căn cứ theo Luật doanh nghiệp 2020
1.c. " <u>Luật Chứng khoán</u> " là Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010	1.c. " Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;	Thay đổi căn cứ theo Luật chứng khoán 2019
1.f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh	1.f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng	Thay đổi căn cứ theo Luật chứng khoán 2019

<u>ngành, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;</u>	khoán;	
1. g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại <u>khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán;</u>	1. g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán	Thay đổi căn cứ theo Luật chứng khoán 2019
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	
4. Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ trụ sở chính: <u>Bản Chiến, Xã Chiềng Sơn, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La, Việt Nam.</u> - Điện thoại: 0212 6265095 - E-mail: taybac@diemtaybac.com.vn - Website: https://ned.vn	4. Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ trụ sở chính: <u>Bản Pá Công, xã Huổi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Việt Nam.</u> - Điện thoại: 0212 6265095 - E-mail: taybac@diemtaybac.com.vn - Website: https://ned.vn	Cập nhật địa chỉ doanh nghiệp
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	

<p>7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.</p>	<p>7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.</p>	<p>Bỏ theo quy định tại Điều 36. Công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình - Luật chứng khoán 2019</p>
<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p>	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p>	
<p>2. <u>Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Sửa theo khoản 2 Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu – Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p>	<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p>	
<p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân</p>	<p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối</p>	<p>Cập nhật thay đổi dẫn chiếu theo Luật doanh nghiệp 2020</p>

phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. <u>Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 112 Luật Doanh nghiệp.</u>	theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
Điều 12. Quyền của cổ đông	Điều 12. Quyền của cổ đông	
1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.	Bỏ	
2.c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ <u>theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</u>	2.c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật doanh nghiệp 2020 và quy định khác của pháp	Sửa theo Khoản 1 Điều 115 - Luật Doanh nghiệp 2020 – Quyền của cổ đông phổ thông

	luật có liên quan;	
2.e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông <u>đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông</u> và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	2.e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;	
2.i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <u>Điều 129 Luật Doanh nghiệp</u> ;	2.i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;	Sửa đổi dẫn chiếu theo Luật doanh nghiệp 2020.
Không có	2.j. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;	Sửa theo điểm i khoản 1 Điều 12. Quyền của cổ đông - Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
Không có	2.k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;	Sửa theo điểm k khoản 1 Điều 12. Quyền của cổ đông - Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
Không có	2.l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;	Sửa theo điểm l khoản 1 Điều 12. Quyền của cổ đông - Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
<u>2.j.</u> Các quyền khác theo quy định của pháp	2. m. Các quyền khác theo quy định của pháp	

luật và Điều lệ này.	luật và Điều lệ này.	
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên <u>trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng</u> có các quyền sau:	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:	Sửa theo khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020 – Quyền của cổ đông phổ thông
a. <u>Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;</u>	Bỏ	Sửa theo khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020 – Quyền của cổ đông phổ thông
b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <u>Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</u>	a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp	Thay đổi căn cứ theo Luật doanh nghiệp 2020
<u>Không có</u>	b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;	Sửa theo điểm a khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020 – Quyền của cổ đông phổ thông
<u>Không có</u>	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05%	Sửa theo Khoản 5 Điều 115 Luật

	<p>tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	<p>Doanh nghiệp 2020 – Quyền của cổ đông phổ thông</p>
<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p>	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p>	

<p><u>Không có</u></p>	<p>7. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p>	<p>Sửa theo Khoản 5 Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2020 – Nghĩa vụ của cổ đông</p>
<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Công ty có thể gia hạn thời gian họp nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính khi được Cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận.</u></p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>Sửa theo Khoản 2 Điều 139, Luật doanh nghiệp 2020 – Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>
<p>3.e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ</p>	<p>3.e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ</p>	<p>Thay đổi căn cứ theo Luật doanh nghiệp 2020</p>

của họ theo <u>Điều 160 Luật Doanh nghiệp</u> hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	của họ theo <u>Điều 165 Luật Doanh nghiệp</u> hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	
4.b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>Điểm a Khoản 4 Điều 14</u> thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</u> ;	4.b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;	Thay đổi căn cứ theo Luật doanh nghiệp 2020
4.c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>Điểm b Khoản 4 Điều 14</u> thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại <u>Điểm d Khoản 3</u> này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</u> .	4.c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.	Thay đổi căn cứ theo Luật doanh nghiệp 2020
<u>Không có</u>	4.d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ	

	đồng theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.	
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	
<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p><u>a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</u></p> <p><u>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</u></p> <p><u>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</u></p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;</p> <p>đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;</p> <p>e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p>	Sửa theo Khoản 3 Điều 139, Luật doanh nghiệp 2020 – Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
2.n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại <u>khoản 1</u>	2.n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều	Thay đổi căn cứ theo Luật doanh nghiệp 2020

Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;	167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất	
Không có	2.o. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;	Sửa theo điểm 1 Khoản 2 Điều 138, Luật doanh nghiệp 2020 – Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông
	2.p. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;	Sửa theo điểm m Khoản 2 Điều 138, Luật doanh nghiệp 2020 – Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông
2.o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	2.q. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền	Điều 16. Đại diện theo ủy quyền	
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản <u>theo mẫu của Công ty</u> và phải có chữ ký theo quy định sau đây: a. <u>Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ</u>	2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản và phải có chữ ký theo quy định sau đây: a. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định	Sửa theo Khoản 1 và khoản 2 Điều 144, Luật doanh nghiệp 2020 – Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

<p><u>đồng đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</u></p>	<p>của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p>	
<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không sớm hơn năm (05) ngày</u> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất;</p>	<p>Sửa theo Khoản 1 Điều 141, Luật doanh nghiệp 2020 – Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>
<p>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p>	<p>d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Sửa theo điểm đ Khoản 5 Điều 140, Luật doanh nghiệp 2020 – Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p>

	Kiểm soát viên;	
Không có	đ) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông	Sửa theo điểm b Khoản 5 Điều 140, Luật doanh nghiệp 2020 – Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông
	g) Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong	Sửa theo Khoản 1, khoản 3 Điều 143, Luật doanh nghiệp 2020 – Mời họp Đại hội đồng cổ đông

<p>trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>mười (10) ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. <u>Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp</u>;</p>	<p>Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng</p>	
---	--	--

<p>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p>quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; c. Phiếu biểu quyết; d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	
<p>5. <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</u></p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng <u>thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</u></p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ <u>10%</u> cổ phần phổ thông trở lên <u>trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>c) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Sửa theo khoản 3 Điều 142, Luật doanh nghiệp 2020 – Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông</p>

	d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
Không có	6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	Sửa theo khoản 4 Điều 142, Luật doanh nghiệp 2020 – Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. <u>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp</u>	2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông	Sửa theo khoản 2 Điều 145, Luật doanh nghiệp 2020 – Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	
3. Trường hợp <u>đại hội lần thứ hai</u> không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, <u>cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba</u> có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.	3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.	Sửa theo khoản 3 Điều 145, Luật doanh nghiệp 2020 – Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông
Không có	4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.	Sửa theo khoản 4 Điều 145, Luật doanh nghiệp 2020 – Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu	Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu	

quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	
<p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, <u>trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.</u> Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có), trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đó. Kết quả biểu quyết được Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>Sửa phù hợp với thực tế triển khai</p>
<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời</p>	<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả</p>	<p>Sửa theo điểm a khoản 2 Điều 146, Luật doanh nghiệp 2020 – Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>

<p>mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>	
<p>7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại <u>khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Thay đổi căn cứ theo Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Sửa theo Khoản 7 Điều 146 Luật doanh nghiệp 2020 - Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>

<p>chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. <u>Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</u></p>	<p>chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác; Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	
<p>Không có</p>	<p>12. Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết, bầu cử trực tuyến và bỏ phiếu điện tử sẽ được nêu rõ trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Bổ sung trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử</p>
<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p><u>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ</u></p>	<p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng</p>	<p>Sửa theo Khoản 1 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020 - Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p>

<p><u>đồng về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</u></p> <p><u>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</u></p> <p><u>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</u></p> <p><u>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc,</u></p>	<p>số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</p> <p>đ. Tổ chức lại, giải thể công ty;</p>	<p>được thông qua</p>
<p>Không có</p>	<p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 5 Điều này.</p>	<p>Sửa theo Khoản 2 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020 - Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p>
<p><u>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại</u></p>	<p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng</p>	<p>Sửa theo Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020 - Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p>

<p><u>khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử. Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên.</p>	
<p><u>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ;</u></p>	<p>Bỏ</p>	<p>Trùng nội dung</p>

<p>đồng và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p>	<p>và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p>	<p>đồng bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p>
<p>3. c. <u>Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ</u></p>	<p>3.c. <u>Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ</u></p>	<p>Sửa theo điểm c Khoản 3 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020 - Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p>

<p><u>chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</u></p>	<p>đồng;</p>	
<p>7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p>	<p>7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p>	<p>Sửa theo Khoản 6 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020 - Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p>
<p>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>1. i. <u>Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</u> Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p>	<p>1.i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư</p>	<p>Sửa theo điểm i Khoản 1 Điều 150 Luật doanh nghiệp 2020 - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Sửa theo Khoản 4 Điều 150 Luật doanh nghiệp 2020 - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p>

	lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. <u>Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề được quy định tại khoản 2 điều 143 của Luật Doanh nghiệp được quyền lấy ý kiến bằng văn bản.</u>	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Các trường hợp quy định tại khoản 2 điều 147 của Luật Doanh nghiệp cũng được quyền lấy ý kiến bằng văn bản.	Sửa theo Khoản 1 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020 - Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ	2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Sửa theo Khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020 - Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ

<p><u>loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p>		
<p>Không có</p>	<p>4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</p>	<p>Sửa theo Khoản 4 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020 - Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p>
<p>Không có</p>	<p>5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở</p>	<p>Sửa theo Khoản 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020 - Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p>

	<p>ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>1.j. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p>	
<p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	<p>2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	<p>Sửa theo Khoản 2, khoản 3 Điều 150 Luật doanh nghiệp 2020 - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p>
<p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p>	<p>3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p>	<p>Bổ sung</p> <p>Sửa theo Khoản 5 Điều 150 Luật doanh nghiệp 2020 - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p>

<p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p>	<p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p>	<p>Bổ sung</p>
<p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Bổ sung</p>
<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 4 Điều 21 Điều lệ này</u>.</p>	<p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 21 Điều lệ này.</p>	<p>Thay đổi căn cứ theo Luật doanh nghiệp 2020</p>

<p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng <u>30 ngày</u> theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với thay đổi về thời gian triệu tập đại hội đồng cổ đông theo Luật Doanh nghiệp 2020</p>
<p>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	
<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p>	
<p>2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 07% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng</p>	<p>2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 07% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03)</p>	<p>Bỏ theo khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020 - Quyền của cổ đông phổ thông</p>



viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	
1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là <u>ba (03) người</u> . Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Sửa
Không có	2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.	Sửa theo khoản 2 Điều 276. Thành phần Hội đồng quản trị - Nghị định 155/2020/NĐ-CP
<u>2.a.</u> Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng	3.a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng	Bổ sung căn cứ theo Luật doanh nghiệp 2020

quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị	quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị	
<u>2.b. Có đơn từ chức;</u>	3.b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;	Sửa theo điểm b khoản 1 Điều 160 Luật doanh nghiệp 2020 - Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	
<p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p><u>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</u></p> <p><u>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u></p> <p><u>c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc,</u></p>	<p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;</p> <p>b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p>	Sửa theo khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp 2020 - Hội đồng quản trị

<p><u>người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;</u></p> <p><u>d. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác;</u></p> <p><u>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</u></p> <p><u>f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</u></p> <p><u>g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</u></p> <p><u>h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty để trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;</u></p> <p><u>i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng</u></p>	<p>d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;</p> <p>e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật doanh nghiệp;</p> <p>f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán của công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp;</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do quy định tại quy chế quản trị nội bộ của công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo</p>	
---	--	--

	<p>các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>q. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</p> <p>r. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quyết định ban hành quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Quyết định ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty.</p> <p>s. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</p> <p>t. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).</p>	
<p>3. c. Trong phạm vi quy định tại <u>khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp</u> và trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp</u> phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);;</p>	<p>3.c. Trong phạm vi quy định tại <i><u>khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp</u></i> và trừ trường hợp quy định tại <i><u>khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp</u></i> phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);;</p>	<p>Sửa đổi căn cứ theo Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p>	

<p><u>cổ đông thông qua quyết định;</u></p> <p><u>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;</u></p> <p><u>k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;</u></p> <p><u>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</u></p> <p><u>m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</u></p> <p><u>n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;</u></p> <p><u>p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).</u></p>	<p>ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;</p> <p>k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>m. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;</p> <p>p. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở</p>	
---	--	--

<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông <i>thường niên</i> quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p>	<p>Sửa theo điểm a khoản 2 Điều 163 Luật doanh nghiệp 2020 - Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng Giám đốc</p>
<p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	
<p>1. <u>Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.</u></p>	<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Sửa theo khoản 1 Điều 156 Luật doanh nghiệp 2020 - Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>
<p>Không có</p>	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc</p>	<p>Sửa theo khoản 2 Điều 156 Luật doanh nghiệp 2020 - Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>
<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc</p>	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp</p>	<p>Bổ sung căn cứ theo Luật doanh nghiệp 2020</p>

<p>hợp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	
<p><u>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</u></p>	<p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành.</p> <p>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức</p>	<p>Sửa theo khoản 4 Điều 156 Luật doanh nghiệp 2020 - Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>

	hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại <u>khoản 3 Điều 30</u> có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Sửa căn cứ dẫn chiếu tại Điều lệ này
Không có	9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 8 Điều này; c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện	Sửa theo khoản 9 Điều 157 Luật doanh nghiệp 2020 - Cuộc họp Hội đồng quản trị

	<p>từ khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.</p>	
<p>11. Biểu quyết</p> <p>a. Trừ quy định tại <u>điểm b khoản 11 Điều 30</u>, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p>	<p>12. Biểu quyết</p> <p>a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p>	<p>Sửa căn cứ dẫn chiếu tại Điều lệ này</p>
<p>11. c. Theo quy định tại <u>điểm d khoản 11 Điều 30</u>, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p>	<p>12. c. Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p>	<p>Sửa căn cứ dẫn chiếu tại Điều lệ này</p>

Không có	<p>16. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.</p>	
Không có	<p>18. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 19 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Trường hợp này, biên bản họp Hội đồng quản trị phải ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội</p>	

	đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.	
Không có	<p>19. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;- Mục đích, chương trình và nội dung họp;- Thời gian, địa điểm họp;- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý	

	kiến; - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; - Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 18 Điều này.	
Không có	20. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị Sau khi ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều	2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Quy chế nội bộ	Sửa dẫn chiếu

<p>trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>quan để báo cáo Ban kiểm soát; c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p><u>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u></p>	<p>5. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Bổ sung căn cứ theo Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>6. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p>	<p>Sửa theo khoản 2 Điều 174 Luật doanh nghiệp 2020 - Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</p>

<u>lệ công ty.</u>	về quản trị Công ty.	
IX. BAN KIỂM SOÁT	IX. BAN KIỂM SOÁT	
Điều 37. Kiểm soát viên	Điều 37. Kiểm soát viên	
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <u>khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</u>	2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:	Sửa căn cứ theo Luật doanh nghiệp 2020
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. <u>Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</u> Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để	3. Các Thành viên Ban kiểm soát bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc chuyên ngành có liên quan. 4. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên	Sửa theo khoản 2 Điều 168 Luật doanh nghiệp 2020 - Ban kiểm soát

<p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>	<p>c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>	
<p>Điều 38. Ban kiểm soát</p>	<p>Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p>	
<p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại <u>Điều 165 Luật Doanh nghiệp</u> và các quyền, nghĩa vụ sau:</p>	<p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p>	<p>Sửa căn cứ theo Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, <u>KIỂM SOÁT VIÊN</u>, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p>	<p>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p>	
<p>Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng</p>	<p>Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng</p>	
<p>Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình,</p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của</p>	<p>Thống nhất thuật ngữ</p>

kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.	minh, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.	
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	
1. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u> , Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại <u>Điều 159 Luật Doanh nghiệp</u> và các quy định pháp luật khác.	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.	Thống nhất thuật ngữ Sửa căn cứ theo Luật doanh nghiệp 2020
2. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u> , Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.	Thống nhất thuật ngữ
3. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u> , Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất	3. Thành viên Hội đồng quản trị Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản	Thống nhất thuật ngữ

<p>đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị dưới hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng</p>	<p>liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị dưới hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng</p>	
--	--	--

<p>cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p>	<p>trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p>	
<p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p>	<p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p>	<p>Thống nhất thuật ngữ</p>
<p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan</p>	<p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có</p>	<p>Thống nhất thuật ngữ</p>

<p>Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p>	<p>Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p>	
<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p>	<p>Thống nhất thuật ngữ</p>
<p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện</p>	<p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy</p>	<p>Thống nhất thuật ngữ</p>

của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p>	<p>Thông nhất thuật ngữ</p>
<p>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</p>	<p>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</p>	
<p>XXI. NGÀY HIỆU LỰC</p>	<p>XXI. NGÀY HIỆU LỰC</p>	
<p>Điều 57. Ngày hiệu lực</p>	<p>Điều 57. Ngày hiệu lực</p>	

theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn căn vi lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.	quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn căn vi lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.	
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u> , người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:	3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:	Thống nhất thuật ngữ
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.	XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.	
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	

<p>1. Bản Điều lệ ngày gồm 21 chương 57 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc nhất trí thông qua <u>ngày 06 tháng 06 năm 2020 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019</u> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành <u>mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:</u></p> <p>a. <u>Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;</u></p> <p>b. <u>Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;</u></p> <p>c. <u>Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u></p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị</u> hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>1. Bản Điều lệ ngày gồm 21 chương 57 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc nhất trí thông qua ngày 07 tháng 05 năm 2020 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành hai (02) bản, có giá trị như nhau, được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Sửa đổi theo thời gian ban hành</p> <p>Sửa đổi cho phù hợp với thực tế</p>
<p><i>Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản.</i></p>		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
ĐIỆN TÂY BẮC

Hà Nội, tháng 5 năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG I	5
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
CHƯƠNG II	6
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
CHƯƠNG III	6
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	7
CHƯƠNG IV	7
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần	8
CHƯƠNG V	9
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
CHƯƠNG VI	9
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 12. Quyền của cổ đông	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	10
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	11

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền	13
Điều 17. Thay đổi các quyền	14
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	21
CHƯƠNG VII.....	21
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	21
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	23
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	25
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	26
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	29
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	29
CHƯƠNG VIII	30
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	30
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	30
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp.....	30
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	31
CHƯƠNG IX.....	32
BAN KIỂM SOÁT.....	32
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	32
Điều 37. Kiểm soát viên	32
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	33
CHƯƠNG X.....	33

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	34
Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng	34
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	34
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	35
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	35
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	36
CHƯƠNG XII	36
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	36
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn.....	36
CHƯƠNG XIII	36
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	36
Điều 44. Phân phối lợi nhuận	36
CHƯƠNG XIV	37
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	37
Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....	37
Điều 46. Năm tài chính.....	37
Điều 47. Chế độ kế toán	37
CHƯƠNG XV	37
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	38
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	38
Điều 49. Báo cáo thường niên	38
CHƯƠNG XVI	38
KIỂM TOÁN CÔNG TY	38
Điều 50. Kiểm toán.....	38
CHƯƠNG XVII	39
CON DẤU	39
Điều 51. Con dấu	39
CHƯƠNG XVIII	39
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	39

Điều 52. Chấm dứt hoạt động.....	39
Điều 53. Gia hạn hoạt động	39
Điều 54. Thanh lý	39
CHƯƠNG XIX.....	40
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	40
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	40
CHƯƠNG XX.....	40
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	40
Điều 56. Điều lệ công ty	40
CHƯƠNG XXI.....	41
NGÀY HIỆU LỰC.....	41
Điều 57. Ngày hiệu lực	41

NỘI DUNG ĐIỀU LỆ

Điều lệ này là của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc (dưới đây viết tắt là “*Công ty*”) là Công ty Cổ phần, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác tại Việt Nam theo quy định của Nhà nước. Các quy định của Công ty, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị được thông qua hợp lệ phù hợp với luật pháp có liên quan là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 31 tháng 12 năm 2020;

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 07 tháng 5 năm 2021.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “**Vốn điều lệ**” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. “**Luật Doanh nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
 - c. “**Luật chứng khoán**” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - d. “**Ngày thành lập**” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - e. “**Người điều hành doanh nghiệp**” là Tổng Giám đốc, các Giám đốc chức năng, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - f. “**Người có liên quan**” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - g. “**Cổ đông lớn**” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - h. “**Thời hạn hoạt động**” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - i. “**Việt Nam**” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

- Tên tiếng Anh: **NORTH-WEST ELECTRIC INVESTMENT ANH DEVELOPMENT JOINT - STOCK COMPANY**

- Tên viết tắt: **NEDEN.,JSC**

2. Logo:



3. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

4. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Bàn Pá Công, xã Huổi Một, huyện Sông Mã, Tỉnh Sơn La, Việt Nam.

- Điện thoại: 0212 6265095

- E-mail: taybac@dientaybac.com.vn

- Website: <https://ned.vn>

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01(một) Người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc Công ty.

Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật do HĐQT quyết định phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ này.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là tất cả ngành nghề được công bố trên cổng thông tin điện tử quốc gia.
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:
 - a. Kinh doanh có lãi; bảo toàn; phát triển được vốn và tài sản của Công ty;
 - b. Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Công ty;
 - c. Đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh và không ngừng phát triển Công ty ngày một lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ:
 - a. Vốn Điều lệ của Công ty là **405.000.000.000** đồng (Bằng chữ: Bốn trăm linh năm tỷ đồng chẵn).
 - b. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **40.500.000** cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành..

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo

tỷ lệ (không quá lãi suất huy động bình quân liên ngân hàng một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn thận trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật doanh nghiệp 2020 và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
 - f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

j. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

7. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ

đồng liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e Khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

e. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục, triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;

e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;

f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;

c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

- d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - l. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán sản phẩm Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
 - m. Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - o. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - p. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - q. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ

chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một số loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

đ. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông

h. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát ;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc

họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Trường họp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường họp sau đây:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường họp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường họp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường họp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường họp cuộc họp lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường họp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là họp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có), trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đó. Kết quả biểu quyết

được Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác; Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

12. Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết, bầu cử trực tuyến và bỏ phiếu điện tử sẽ được nêu rõ trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ. Tổ chức lại, giải thể công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 5 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử. Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

6. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Các trường hợp quy định tại khoản 2 điều 147 của Luật Doanh nghiệp cũng được quyền lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các quyết định đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

j. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán của công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do quy định tại quy chế quản trị nội bộ của công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;

p. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

q. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

r. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quyết định ban hành quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Quyết định ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty.

s. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

t. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 05 (năm) tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội cổ đông thường niên quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí sinh hoạt trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội cổ đông.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất

tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban Kiểm soát;
- b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa

điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 8 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

c. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

11. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

12. Biểu quyết:

a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

13. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

14. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

15. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

17. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

18. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 19 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Trường hợp này, biên bản họp Hội đồng quản trị phải ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.

19. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 18 Điều này.

20. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

Sau khi ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Giám đốc chức năng, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mãn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

j. Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của Hội đồng quản trị, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Công ty;

k. Đại diện Công ty trước pháp luật, đại diện Công ty trong các tranh chấp pháp lý có liên quan đến Công ty.

1. Được quyền ra các quyết định vượt quá thẩm quyền của mình trong các trường hợp khẩn cấp hoặc bất khả kháng như thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn và các trường hợp bất khả kháng khác. Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm về những quyết định này của mình đồng thời báo cáo ngay Hội đồng quản trị về những quyết định vượt quá thẩm quyền của mình;

m. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc chuyên ngành có liên quan.

4. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

5. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban Kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị dưới hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm

soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thành chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực

CHƯƠNG XV

thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.
đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty cấp nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải thích các giao dịch của Công ty.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại Bộ Tài chính chấp thuận.

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được

Điều 47. Chế độ kế toán

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do.
chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngày sau ngày vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy Nam tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc

Điều 46. Năm tài chính

khóa tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.
3. Công ty tiến hành tại cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, được phép hoạt động tại Việt Nam.

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUV DỮ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

pháp luật.
6. Các văn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của

nhân có tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhân có phiếu, nhân bao hoặc tài liệu khác.
người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị

Nam.
thì được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt
toán có tức đối với các cổ phiếu niêm yết/dang ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có
không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh
tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty
ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông
hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định

mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 57 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc nhất trí thông qua ngày 07 tháng 05 năm 2021 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành hai (02) bản, có giá trị như nhau, được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



ĐƯƠNG VĂN QUYỀN



TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 -2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc;
- Tình hình hoạt động của Công ty.

Vừa qua, thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") Ông Nguyễn Văn Mạnh đã gửi Đơn từ nhiệm tới Công ty đề trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") xem xét, chấp thuận Đơn xin thôi giữ chức vụ thành viên BKS vì lý do cá nhân.

Vì vậy, để đảm bảo hoạt động của BKS được liên tục, cũng trên cơ sở phù hợp với Điều lệ và thông lệ về quản trị Công ty đại chúng, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên BKS cho nhiệm kỳ 2020 – 2025 như sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên BKS của Công ty đối với Ông Nguyễn Văn Mạnh.

- Thời điểm miễn nhiệm: Từ ngày được ĐHĐCĐ chấp thuận việc miễn nhiệm;
- Giao HĐQT Công ty xem xét và giải quyết các vấn đề về quyền lợi, chế độ của người được miễn nhiệm theo đúng quy định của Công ty và pháp luật có liên quan.

2. Thông qua việc bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2020 – 2021 như sau:

- a. Số lượng thành viên bầu bổ sung:
HĐQT Công ty đề xuất số lượng thành viên BKS bầu bổ sung là 01 thành viên.
- b. Tiêu chuẩn, điều kiện ứng viên thành viên BKS Công ty
- Ứng viên BKS phải đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020 và Điều lệ Công ty.
 - Ứng viên BKS là cổ đông tự ứng cử hoặc được đề cử bởi cổ đông/nhóm cổ đông hoặc theo đề cử của các thành viên BKS hiện tại theo quy định tại Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020, Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2020 – 2025 của Công ty.

3. Danh sách ứng viên được bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2020 – 2025:

Danh sách ứng viên được tập hợp từ những người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện nêu trên và có đầy đủ hồ sơ nộp về Công ty đúng thời hạn theo Thông báo về việc đề cử, ứng cử thành viên BKS Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc. Danh sách này sẽ được công bố tại Đại hội trước thời điểm bầu cử.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các Cổ đông;
- Các TV, HĐQT, BKS;
- Lưu: HĐQT, HCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Số: 08/TB-ĐTĐB-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2021

**THÔNG BÁO
DANH SÁCH ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc;
- Tình hình hoạt động của Công ty.
- Thông báo của HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc ngày 28/04/2021 về việc đề cử, ứng cử thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2020-2025;
- Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc xin thông báo tới Quý cổ đông danh sách đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

1. Danh sách ứng cử thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2025: Không có
2. Danh sách đề cử thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2025:

Bà VŨ THỊ TRÀ

Ngày sinh : 16/05/1993

Địa chỉ : Xã Trục Thắng, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay : Nhân viên Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các Cổ đông;
- Các TV, HĐQT, BKS;
- Lưu: HĐQT, HCNS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Huyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN TỪ NHIỆM

Kính gửi:

- Đại hội đồng cổ đông Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc

Tôi tên là: **Nguyễn Văn Mạnh**

Ngày sinh: 10/12/1977

Căn cước công dân số: 034077003007. Ngày cấp: 12/04/2017

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Tôi được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc tin nhiệm bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020-2025.

Trong thời gian công tác tôi đã luôn cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình để phục vụ cho lợi ích của Công ty. Tuy nhiên, hiện tại vì lý do cá nhân, tôi làm đơn này kính chuyển đến Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc chấp thuận cho tôi được từ nhiệm chức danh Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2021

NGƯỜI LÀM ĐƠN



Nguyễn Văn Mạnh